

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG**

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
KS. Nguyễn Xuân Sang
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

**THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY**

ThS. Lê Thị Linh Mai

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA**

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa

Điện thoại: 02373.720.885

Fax: 02373.720.885

Website: www.tusta.org.vn

Email: khoahtoanhhoa@gmail.com

Ảnh bìa: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa phối hợp với Trường Đại học Hồng Đức, Hội KHKT huyện Hoằng Hóa tổ chức tập huấn công nghệ làm chế phẩm vi sinh cho bà con nông dân huyện Hoằng Hóa

TRONG SỐ NÀY

Số 02 (Tháng 5/2022)

- Phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá trong thời kỳ mới **Nguyễn Văn Phát 2**
- Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5: Ngày hội của những người hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ **Phạm Kim Tân 8**
- Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng **Nguyễn Xuyên 11**
- Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa **Lê Khắc Chiến 14**
- Đưa cây gai xanh trở thành sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thanh Hóa **Nguyễn Ngọc Túy 18**
- Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Thanh Hóa xây dựng, trưởng thành và phát triển **Nguyễn Văn Khánh 22**
- Tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng biến đổi khí hậu thông qua trồng và quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng **Nguyễn Viết Nghị 25**
- Bảo tồn và phát triển cây quế Thường Xuân **Mai Xuân Hùng 29**
- Ứng dụng của giường bệnh đa chức năng hỗ trợ bệnh nhân liệt vận động, cứng khớp **Lê Viết Báo 33**
- Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng đặc điểm đối tượng trong giáo dục, giao tiếp **Dân Chủ 37**
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt hoàn thiện hệ thống Affnation sản xuất đường refined từ đường thô, đường vàng chất lượng thấp **Trịnh Việt Dũng và các cộng sự 38**
- Tin hoạt động **41**
- Những vấn đề, nội dung cần quan tâm để sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh **Nguyễn Xuân Sang 45**
- Giải pháp phục hồi và phát triển du lịch Thanh Hoá sau đại dịch COVID-19 **Vương Thị Hải Yến 50**
- Lê Văn Hưu - Nhà sử học, nhà văn hóa lớn của dân tộc **Hoàng Thanh Hải 53**
- Phát huy di sản văn hóa xứ Thanh gắn với truyền thuyết người Việt và hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh, sinh viên **Nguyễn Thị Quế 57**

PHÁT HUY TRÍ TUỆ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HOÁ TRONG THỜI KỲ MỚI

TS. Nguyễn Văn Phát

Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) là những người trí thức làm việc trong lĩnh vực KH&CN. Hiện nay, đội ngũ trí thức KH&CN tỉnh Thanh Hoá có trên 15 vạn người (trong đó có 36 phó giáo sư, trên 200 tiến sĩ và gần 5.000 nghìn thạc sĩ) đang công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; các trường đại học, viện nghiên

cứu, các tổ chức KH&CN, đơn vị sự nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác; các doanh nghiệp và một bộ phận không nhỏ là những trí thức trong đội ngũ cán bộ hưu trí đang hoạt động trong hệ thống của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (Liên hiệp hội), các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Riêng trong hệ thống Liên hiệp hội có 9.704 hội viên trình độ đại học trở lên trên tổng số 23.261 hội viên (13 phó giáo sư, 150 tiến sĩ và 1.500 thạc sĩ) đang tham gia hoạt động trong 34 hội thành viên, 4 trung tâm KH&CN, 7 đơn vị hội viên liên kết. Cùng với

sự phát triển của tỉnh, đội ngũ trí thức KH&CN đã có sự tăng nhanh về số lượng, chất lượng cũng được nâng lên. Đây là một nguồn lực trí tuệ rất lớn, trong đó nhiều trí thức nguyên là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn chủ chốt công tác trong các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh; là lực lượng lao động đã được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ bài bản, có nhiều kinh nghiệm trong công tác và đã được tích lũy, chọn lọc, có khả năng tham gia đóng góp ý kiến, tư vấn, phản biện đối với các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền tỉnh đối với đội ngũ trí thức KH&CN:

Trong các giai đoạn vừa qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để các cấp, các ngành, địa phương quan tâm đến công tác trí thức; tỉnh đã có nhiều chủ trương quan trọng phát triển đội ngũ trí thức nói

Đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo phát triển giáo dục đại học, cao đẳng để thu hút trí thức KH&CN vào làm việc.

(ii) Ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho đội ngũ trí thức; chính sách khen thưởng đối với trí thức có

thoại giữa đội ngũ trí thức với lãnh đạo tỉnh”. Việc ban hành các cơ chế, chính sách, quy định trên là nhằm động viên, khích lệ trí thức tích cực tiến quân vào hoạt động KH&CN, phục vụ xây dựng phát triển tỉnh nhà.

(iii) Để tiếp tục đẩy mạnh công tác trí thức KH&CN, bên cạnh các chủ trương, quyết sách trên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 08/3/2021 thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Ban Bí thư (khoá XII) tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (mái nhà chung của đội ngũ trí thức KH&CN) trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngoài ra, tỉnh cũng đã có nhiều chỉ đạo nhằm xây dựng và phát triển Liên hiệp hội. Thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Liên hiệp hội đã tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, cấp ủy huyện, thị xã, thành phố và phấn đấu vươn lên làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội, đại diện của trí thức KH&CN của tỉnh, là đầu mối tham



Hội nghị trực tuyến "Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tại điểm cầu Thanh Hóa"

chung, trong đó có bộ phận không nhỏ trí thức KH&CN:

(i) Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 16/8/2019 thực hiện Kết luận số 52-KL/TW của Ban Bí thư (khoá XII) nhằm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng đội ngũ trí thức của tỉnh ngày càng vững mạnh.

công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc, đạt giải cao trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các quy định “Tôn vinh trí thức tiêu biểu” đạt thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới, sáng tạo kỹ thuật, “Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối

KHOA HỌC THANH HÓA

muu, giúp cấp ủy, chính quyền trong việc tập hợp, đoàn kết và phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN trên nhiều lĩnh vực chuyên ngành như: hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức, hoạt động KH&CN, hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội và nhiều hoạt động khác có tác động tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những kết quả về phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh thời gian qua: Đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã có những đóng góp quan trọng và thiết thực đối với quá trình xây dựng phát triển tỉnh nhà nói chung và phát triển KH&CN nói riêng, một số đóng góp chính đó là:

(i) Bộ phận trí thức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đã phát huy trí tuệ có nhiều đóng góp trong việc tham gia ý kiến, đề xuất về những vấn đề chung, những vấn đề mang tính đặc thù về KH&CN gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, địa chính trị, lịch sử của địa phương với các bộ, ban, ngành trung ương khi tham mưu, đề xuất hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực KH&CN.

(ii) Trực tiếp đối với địa phương, đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã tích cực, chủ động tham gia ý kiến đóng góp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh về các vấn đề phục vụ phát triển của tỉnh

như xây dựng luận cứ khoa học phục vụ ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, dự án lớn, trọng tâm của tỉnh, ngành, huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh thông qua các hoạt động tham mưu, đề xuất; tư vấn, phản biện và giám định xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe; bảo vệ tài nguyên - môi trường.

(iii) Bộ phận trí thức trực tiếp công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, trong các đơn vị sự nghiệp; các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN đã tích cực nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá, thẩm định các chương trình, đề án, dự án do các ngành kinh tế - xã hội xây dựng; đề xuất việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước triển khai vào địa bàn tỉnh; tham mưu, tổ chức thực hiện việc cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong các chương trình trọng tâm, khâu đột phá về KH&CN theo nghị



Lãnh đạo Liên hiệp hội, Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát tại phòng lưu trữ và quản lý hệ thống máy chủ của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Thanh Hóa

quyết đại hội Đảng bộ tỉnh trong các nhiệm kỳ qua đã đề ra.

(iv) Nhiều trí thức, nhà khoa học trẻ đã thể hiện được tính năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với sự phát triển của KH&CN trong nước và quốc tế, có khả năng nắm bắt kiến thức mới, tiên bộ KH&CN mới từ bên ngoài, đề xuất triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển vào địa bàn tỉnh, có trình độ và khả năng tham gia đóng góp nâng cao chất lượng công tác tư vấn, phản biện, đề xuất, các giải pháp, đóng góp ý kiến phát triển kinh tế - xã hội.

(v) Đội ngũ trí thức hoạt động trong hệ thống Liên hiệp hội là lực lượng nòng cốt trong việc duy trì, triển khai để đội ngũ KH&CN của tỉnh đóng góp sáng tạo trong “Hội thi Sáng tạo kỹ thuật”, “Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam” đã tạo ra nhiều giải pháp sáng tạo có giá trị được áp dụng vào trong thực tiễn sản xuất và đời sống và đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; tích cực tham gia ý kiến đóng góp vào các hoạt động giám sát và phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ trì; chủ động đề xuất cử hội viên tham gia làm thành

viên của nhiều hội đồng KH&CN, hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định do các cơ quan nhà nước thành lập, qua đó đã phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của đội ngũ trí thức của tỉnh vào xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách của tỉnh và thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tích cực cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đưa tỉnh ta ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên. Phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã góp phần từng bước nâng cao trình độ KH&CN của tỉnh, nhiều lĩnh vực đã vươn lên tiếp cận trong nhóm trình độ cao của đất nước; góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những đóng góp của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thông qua phản ánh dư luận xã hội, từ một số cuộc hội thảo cho việc phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh còn có một số tồn tại, hạn chế sau: (i) Những hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh có nguyên

nhân xuất phát từ hạn chế, yếu kém về năng lực, trí tuệ, tâm huyết trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao của đội ngũ trí thức KH&CN. (ii) Số lượng và chất lượng trí thức KH&CN của tỉnh chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển của tỉnh. Cơ cấu đội ngũ trí thức KH&CN còn bất hợp lý về ngành nghề, độ tuổi, giới tính. Trí thức KH&CN đầu ngành trên các lĩnh vực còn ít, chưa có nhiều tập thể KH&CN mạnh. (iii) Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa thật sự thiết thực và hiệu quả, chưa gắn bó mật thiết với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống; còn một số lĩnh vực KH&CN chưa bắt kịp với tiên bộ chung của đất nước. (iv) Trình độ của trí thức KH&CN ở các cơ sở nghiên cứu, trường đại học chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của tỉnh; năng lực sáng tạo, khả năng thực hành và ứng dụng, ngoại ngữ, hiểu biết về Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn hạn chế. (v) Một bộ phận trí thức KH&CN, kể cả người có học vấn cao, còn thiếu tự tin; có biểu hiện chạy theo bằng cấp, chưa tạo được các nhóm nghiên cứu mạnh, một số trí thức

KHOA HỌC THANH HÓA

không thường xuyên học hỏi, tìm tòi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, thiếu chí khí và hoài bão, chạy theo lợi ích trước mắt.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trên, trong đó cần chú ý đến nguyên nhân: công tác xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức chưa được quan tâm đúng mức; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức KH&CN còn hạn chế, chưa được thường xuyên; chưa có những giải pháp phù hợp để phát huy trí tuệ, tiềm năng và sự đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác trí thức KH&CN chậm đưa vào cuộc sống, chưa thực hiện đầy đủ.

Một số nhiệm vụ và giải pháp nhằm phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới: Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục các tồn tại, hạn chế trong việc phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN

đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới đề nghị với cấp ủy, chính quyền tỉnh cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh việc triển khai, quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Tỉnh ủy về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của Liên hiệp hội trong toàn hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; tiếp tục nghiên cứu ban hành một số cơ chế, chính sách, quy chế, quy định nhằm nâng cao hiệu quả tập hợp và phát huy trí tuệ, sức sáng tạo và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực của hoạt động kinh tế - xã hội; cụ thể hóa chủ trương của Đảng và pháp luật Nhà nước, tăng cường lãnh đạo của cấp ủy đối với Liên hiệp hội và các hội thành viên. Tăng cường thực hiện việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện các chủ trương của Đảng, của Tỉnh ủy về đội ngũ trí thức và Liên hiệp hội, đặc biệt cần chú trọng tổng kết thực tiễn, đề ra những chủ trương lãnh đạo và cơ chế, chính

sách mới, phù hợp trong vấn đề này.

Hai là, tập trung xây dựng Liên hiệp hội trở thành một tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, phát huy tốt vai trò tập hợp và động viên đội ngũ trí thức KH&CN tham gia vào các vấn đề lớn của tỉnh. Xây dựng và phát triển các hội thành viên và tổ chức KH&CN trực thuộc cả về số lượng, chất lượng hoạt động; trở thành trung tâm thu hút phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh, tích cực tham gia hoạt động phát triển KH&CN đóng thực sự vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách thiết thực và hiệu quả.

Ba là, chỉ đạo các cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh: (i) Căn cứ vào các chủ trương lãnh đạo của cấp ủy cần cụ thể hóa nội dung phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức KH&CN thuộc phạm vi quản lý của mình. (ii) Phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp hội và các hội chuyên ngành thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý tổ chức các hoạt động xây dựng đội ngũ trí thức của ngành, cấp mình ngày càng vững mạnh về mọi mặt. (iii) Xác định rõ các nhiệm vụ quan trọng của ngành,

lĩnh vực với quan điểm vì sự phát triển cần đặt hàng, tiếp nhận kết quả tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội và các hội chuyên ngành. (iv) Xác định chủ trương, đưa ra kế hoạch, lộ trình và trách nhiệm chuyển giao thực hiện thí điểm một số dịch vụ hành chính công cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; xây dựng cơ chế giúp các tổ chức xã hội - nghề nghiệp được tiếp cận thông tin và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội. (v) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp hội để tập hợp, đoàn kết và tạo môi trường, điều kiện thuận lợi phát huy trí tuệ của trí thức tham gia tích cực công cuộc phát triển của tỉnh trong toàn bộ hệ thống chính trị; chú trọng xây dựng hoàn thiện tổ chức và bộ máy của Liên hiệp hội.

Bốn là, Liên hiệp hội nghiên cứu đề xuất tổ chức các diễn đàn khoa học chuyên nghiệp về những vấn đề lớn được xã hội quan tâm, thực hiện phát huy dân chủ, tạo môi trường, cơ hội để đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh được trình bày quan điểm, chính kiến và đóng

góp ý kiến, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh; xây dựng môi trường hội tụ tiếng nói của trí thức, trực tiếp chuyển tải ý kiến, nguyện vọng của trí thức đến với lãnh đạo tỉnh; gắn việc tổ chức diễn đàn với công tác tư tưởng của đội ngũ trí thức KH&CN. Tổ chức tốt nội dung và điều kiện hội nghị tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn, đối thoại định kỳ hàng năm giữa đội ngũ trí thức với lãnh đạo tỉnh; “Diễn đàn tôn vinh trí thức tiêu biểu”; xây dựng môi trường và điều kiện ươm mầm sáng tạo để “Hội thi sáng tạo kỹ thuật”, “Giải thưởng sáng tạo KHCN Việt Nam”, “Cuộc thi sáng tạo thanh, thiếu niên nhi đồng” cấp tỉnh và đề cử tham gia toàn quốc đạt giải cao, triển khai kết quả vào sản xuất và đời sống một cách thiết thực, hiệu quả. Phát huy được vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh trong việc tổ chức các phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học kỹ thuật; chủ động kết nối và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

Năm là, Liên hiệp hội cùng với các hội chuyên ngành thành viên cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội được UBND tỉnh giao hàng năm; tập trung nâng cao chất lượng tư vấn giải quyết những vấn đề lớn, bức xúc của tỉnh về phát triển KH&CN, giáo dục - đào tạo, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững. Thực hiện các giải pháp đã được nêu trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tạo nên sự đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức hoạt động để Liên hiệp hội thực sự trở thành tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh.

Chú trọng phát huy dân chủ, tăng cường tập hợp, đoàn kết và vận động trí thức KH&CN để thực hiện thật tốt các giải pháp nêu trên chắc chắn rằng, chúng ta sẽ thực hiện thành công quan điểm, mục tiêu phát huy trí tuệ và đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ mới./.

NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM 18/5:

Ngày hội của những người hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

ThS. Phạm Kim Tân

Tổng Thư ký

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Trong thời đại ngày nay, khoa học và công nghệ (KH&CN) được coi là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững. Chính vì thế, các quốc gia trên thế giới luôn coi trọng và thực hiện nhiều giải pháp để phát triển KH&CN, trong đó có việc tổ chức Ngày Khoa học. Ngày Khoa học không chỉ là dịp để tôn vinh, động viên, khuyến khích giới khoa học nước nhà mà còn là dịp để giới khoa học tự giới thiệu với công chúng về các hoạt động và kết quả nghiên cứu của mình.

Việt Nam, kể từ năm 2014, ngày 18/5 hằng năm là Ngày KH&CN Việt Nam.

Ngày 18/5 được chọn là Ngày KH&CN bởi đây là ngày đã diễn ra một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với KH&CN của nước nhà. Năm 1963, Đại hội lần thứ nhất Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam được tổ chức từ ngày 15 đến 19/5. Vào ngày 18/5/1963, Đại hội vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện. Trong bài nói của mình, Người đã căn dặn: "Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém. Lẽ lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp kém. Phong tục, tập quán lạc hậu còn nhiều. Nhiệm vụ của

khoa học là ra sức cải biến những cái đó". Và Người nói: "Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân". Câu nói cô đọng và giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra định hướng và sứ mệnh cao cả cho KH&CN của nước ta.

Ngày 18/6/2013, tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật KH&CN (sửa đổi) năm 2013 với nhiều nội dung đổi mới mạnh mẽ. Tại Điều 7 Luật KH&CN năm 2013 đã quy định: "Ngày 18/5 hằng năm là Ngày KH&CN Việt Nam". Có thể nói, đây là

sự động viên rất to lớn đối với những người hoạt động KH&CN của nước ta.

Từ đó, ngày 18/5 trở thành ngày hội của những người hoạt động trong lĩnh vực KH&CN và toàn xã hội. Đây là dịp để tri ân, tôn vinh các nhà khoa học xuất sắc, các công trình KH&CN có giá trị đóng góp cho sản xuất và đời sống, biểu dương người dân và các bạn trẻ đam mê KH&CN và các đơn vị ứng dụng KH&CN tiên tiến hiện đại. Đây cũng là dịp để mỗi người, nhà khoa học, người làm KH&CN, doanh nghiệp, nhà quản lý nâng cao nhận thức và trách nhiệm thúc đẩy KH&CN đóng góp cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Năm 2022, nhiều hoạt động hưởng ứng Ngày

KH&CN Việt Nam sẽ được diễn ra trên toàn quốc với chủ đề "Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Đẩy nhanh quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội", nhằm (i) tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của ngày KH&CN Việt Nam; các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tôn vinh quá trình lao động, sáng tạo, công hiến của đội ngũ trí thức KH&CN Việt Nam; tuyên truyền cơ chế, chính sách nhằm thu hút các cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam, khơi dậy niềm tự hào trí tuệ Việt, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phục vụ sự nghiệp phát

triển ngành KH&CN nước nhà. (ii) Giới thiệu các chính sách, pháp luật mới được ban hành nhằm phát triển và ứng dụng KH&CN, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các mục tiêu, định hướng lớn trong các Chiến lược, Chương trình quốc gia về KH&CN đến năm 2030; các chính sách khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đẩy nhanh quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; (iii) Tuyên truyền rộng rãi các thành tựu KH&CN nổi bật, các kết quả nghiên cứu KH&CN thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia về phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm quốc gia, công nghệ cao, thị trường KH&CN, đổi mới công nghệ quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá phục vụ nhiệm vụ đẩy nhanh, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. (iv) Giới thiệu về các mô hình doanh nghiệp tiêu biểu về chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực hấp thụ, có năng lực đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, trình độ, kỹ năng nguồn nhân lực, đổi mới quy trình sản xuất và kinh doanh, triển khai



Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam (tiền thân của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) (Ảnh tư liệu).

KHOA HỌC THANH HÓA

chuyển đổi số, áp dụng mô hình kinh doanh mới phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ để phục hồi doanh nghiệp sau đại dịch.

Ngoài ra, tại các tổ chức KH&CN như: các trường đại học quốc gia, các viện nghiên cứu và các tỉnh, thành phố cũng sẽ diễn ra nhiều hoạt động chào mừng Ngày KH&CN. Các hoạt động chủ yếu là: Phát động, triển khai Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam năm 2022; tổng kết và trao giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 16 (2020 - 2021); tổ chức triển lãm, giới thiệu các thành tựu, kết quả KH&CN; kết nối cung cầu công nghệ; hội chợ công nghệ; các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế...

Hàng năm, tại Thanh Hóa, sau khi có hướng dẫn của Bộ KH&CN, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch tổ chức, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày KH&CN Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Thanh Hóa triển khai nhiều hoạt động để chào mừng, trong đó trọng tâm là 4 nhóm hoạt động, gồm: tổ chức phát động các cuộc thi, hội thi, giải thưởng trong lĩnh vực KH&CN; tổ chức các cuộc hội thảo khoa học; tổ chức trưng bày, giới thiệu thành tựu KH&CN; tổ chức tuyên truyền, gặp gỡ,

giao lưu các nhà khoa học và những người làm công tác KH&CN.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh luôn xem ngày KH&CN 18/5 là một ngày kỷ niệm quan trọng đối với đội ngũ trí thức KH&CN Thanh Hóa, vì vậy, hằng năm đều xây dựng kế hoạch chào mừng ngày lễ này. Năm 2022, thực hiện công văn số 289/LHHVN ngày 29/4/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa sẽ triển khai kế hoạch chào mừng ngày 18/5 với nhiều hoạt động, như: Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy; triển khai các nội dung của Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu trí thức KH&CN tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QQĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh; tổ chức Hội thảo khoa

học "Phát huy vai trò của trí thức KH&CN đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa"; Xuất bản Tập san Khoa học Thanh Hóa với chủ đề "Chào mừng ngày Khoa học và Công nghệ 18/5"; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh làm phóng sự với nội dung "Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa"; tiếp tục tuyên truyền, phát động cán bộ, hội viên và nhân dân tham gia Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 13, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng năm 2022...

Có thể nói, Ngày KH&CN Việt Nam đã và đang nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn xã hội, khẳng định vai trò quan trọng của KH&CN, góp phần vào quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước. Hy vọng, Ngày KH&CN Việt Nam năm 2022 sẽ tiếp tục được tổ chức thành công với các hoạt động ngày một phong phú, đa dạng và hiệu quả để: "Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Đẩy nhanh quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội" ./.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

theo Nghị quyết Đại Hội XIII của Đảng

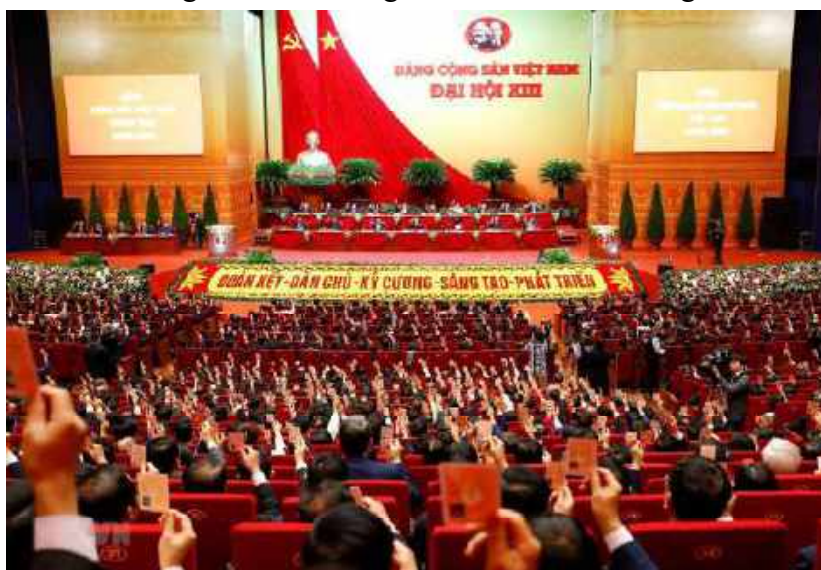
Nguyễn Xuyên*

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta luôn nhất quán xác định khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là “động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”⁽¹⁾. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Ba bước đột phá chiến lược: hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng kết cấu hạ tầng⁽²⁾.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ

các thành tựu của khoa học - công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư⁽³⁾...“Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”⁽⁴⁾, trong

đó con người, tài nguyên trí tuệ là nền tảng cốt lõi, doanh nghiệp là trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo trở thành động lực thúc



Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội

* Cán bộ hưu trí, nguyên Phó Giám đốc Công ty vận tải ô tô số 3 Bình Trị Thiên, tỉnh Thừa Thiên Huế

KHOA HỌC THANH HÓA

đẩy tăng năng suất lao động, lợi thế cạnh tranh trong quá trình tham gia chuỗi giá trị toàn cầu...“Chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao”⁽⁵⁾. “Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kíp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”⁽⁶⁾.

Mục tiêu đã được Đại hội XIII xác định: Đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để đạt được mục tiêu này, ngay từ bây giờ, Việt Nam cần tích cực chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế số. Đại hội XIII chủ trương đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đồng thời đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần

thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Những nội dung về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nói chung và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 -2030 nói riêng là căn cứ để xây dựng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025.

Đẩy nhanh công tác hoàn thiện hành lang pháp lý như: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; xây dựng cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập; xây dựng quy hoạch tổ chức mạng lưới khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập giai đoạn 2021 - 2025...

Để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thì không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực của riêng ngành khoa học - công nghệ, mà còn cần có sự vào cuộc chủ động, tích cực, quyết liệt của cả hệ thống chính trị với sự chung tay góp sức của tất cả các ngành, các cấp, các địa phương, giới trí thức, doanh nghiệp và toàn

xã hội trong nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong một số dự án khoa học - công nghệ cụ thể... Phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Triển khai các giải pháp khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư mạnh vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, các trường đại học là các chủ thể nghiên cứu. Có chính sách khuyến khích chuyển dịch, liên thông nguồn nhân lực trình độ cao giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và khu vực doanh nghiệp. Xây dựng các chuẩn mục về đạo đức trong nghiên cứu khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tập trung xây dựng năng lực công nghệ cốt lõi, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai có hiệu

quả chương trình khoa học - công nghệ quốc gia, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức thực hiện một số chương trình, dự án phát triển công nghệ lớn, có tầm vóc với sự tham gia của cả khu vực công và tư, có cơ chế thu hút đa dạng nguồn lực (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp khoa học - công nghệ, vốn sự nghiệp kinh tế, vốn từ doanh nghiệp...).

Hoàn thiện chính sách về đầu tư công để khuyến khích hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Nghiên cứu, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc từ quy định sử dụng quỹ phát triển khoa học - công nghệ của doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh vào hoạt động đổi mới, ứng dụng, làm chủ công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện các quy định về dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phù hợp với đặc điểm của hoạt động khoa học - công nghệ. Đổi mới sáng tạo phương thức khoán chi trong hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đến sản phẩm cuối cùng. Nghiên cứu cơ chế ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp đầu

tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và cơ chế thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu, đồng thời có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý.

Chuyển đổi số và hiện đại hóa hoạt động nhà nước về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Số hóa nhiệm vụ khoa học - công nghệ các cấp nhằm công khai, minh bạch, bảo đảm xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học - công nghệ, phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu tra cứu của nhà khoa học và công dân. Phát triển cơ sở dữ liệu về tiềm lực khoa học - công nghệ (tổ chức, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, thông tin...), bảo đảm cập nhật theo thời gian.

Thực hiện có hiệu quả 6 giải pháp trong chương trình cải cách hành chính của Chính phủ. Đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước; cắt giảm các điều kiện kinh doanh về khoa học - công nghệ và kiểm tra chuyên ngành, lấy người dân và nhà khoa học

làm trung tâm phục vụ. Sử dụng công nghệ số để kết nối, hỗ trợ mạng lưới các nhà quản lý, nhà khoa học, các trường đại học và doanh nghiệp từ Trung ương đến địa phương.

Có chính sách đào tạo, phát triển, trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học - công nghệ. Cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch, giúp các nhà khoa học trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động khoa học công nghệ tại Việt Nam.

Phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là nền tảng cốt lõi, đồng thời là phương tiện hữu hiệu để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong thời gian tới./.

Chú thích:

(1)(2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng - Báo Nhân Dân, số 23866, ngày 26-2-2021 - tr 3.

(3)(4)(5)(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - NXBCTQG Sự thật - H - 2021 - T 1 - trang 121 - 115 - 120 - 235.

Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

ThS. Lê Khắc Chiến

Phó Viện trưởng

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

Chương trình Nông thôn miền núi rất có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của những vùng còn khó khăn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Thông qua hoạt động xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản xuất đã giúp cho người dân tiếp cận nhanh những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật. Hỗ trợ kinh phí để người dân xây

dựng mô hình, sản phẩm hình thành được người dân thụ hưởng và định hướng phát triển. Điều này đã có ý nghĩa rất lớn đối với việc huy động nguồn vốn từ người dân làm cơ sở vững chắc cho người dân mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển sản xuất. Chương trình cũng đã tạo tiền đề hỗ trợ cho những vùng sản xuất tự đổi mới công nghệ, để sản xuất các sản phẩm mang tính hàng hoá tập trung có giá trị, thương mại. Viện Nông nghiệp Thanh Hóa trong thời gian qua đã triển

khai 2 dự án thuộc chương trình nói trên kết quả đã góp phần tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của các vùng triển khai thực hiện.

Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai hướng thịt tại các huyện trung du, miền núi của tỉnh Thanh Hóa”.

Chủ trì thực hiện - Trung tâm Nghiên cứu Khảo nghiệm và Dịch vụ vật nuôi thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, đơn vị chuyên giao công nghệ Trung tâm giống

gia súc lớn Trung ương. Đơn vị chủ trì thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình như: Tiếp nhận Quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò và Quy trình kỹ thuật chăm sóc bò mẹ mang thai và chăm sóc bò lai F1; Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm bò lai hướng thịt giai đoạn khác nhau; Quy trình phối trộn và sản xuất thức

đề thụ tinh nhân tạo bằng tinh đông lạnh bò giống Droughtmaster đã tạo ra 2.000 con lai F1 giúp cho địa phương chủ động tạo đàn bò cái nền phục vụ sản xuất giống bò thịt chất lượng cao, góp phần chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao nhằm tăng năng suất, tăng thu nhập trên

với quy mô 200 con bò lai F1 Droughtmates trong đó có 100 con do dự án hỗ trợ và 100 con là đối ứng của hộ tham gia mô hình. Kết quả sau 12 tháng bò lai F1 sinh trưởng phát triển tốt, thích nghi với điều kiện khí hậu tại địa phương; đạt khối lượng 240kg/con đối với bò đực và 205kg/con đối với bò cái, tăng trọng cao hơn từ 7,5-10% so với một số giống bò Zebu đang được nuôi tại Thanh Hóa.

Xây dựng mô hình nuôi vỗ béo bò lai F1 (Droughtmaster x lai zebu) từ 21-24 tháng tuổi: Dự án đã xây dựng 5 mô hình vỗ béo tại 5 huyện với quy mô 5 bò đực/mô hình. Kết quả cho thấy, Khối lượng lúc giết thịt lúc 24 tháng tuổi đạt trung bình ≥ 440 kg/con (đối với bò đực), Tỷ lệ thịt xẻ $\geq 51\%$, Tỷ lệ thịt tinh $\geq 39,2\%$. Đây là cơ sở để Xây dựng chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm thịt bò an toàn vệ sinh thực phẩm là sản phẩm thịt bò của dự án mang lại đối với các vùng chăn nuôi bò của tỉnh.

Bên cạnh đó thực hiện Dự án đã đào tạo được 12 kỹ thuật viên cơ sở làm công tác thụ tinh nhân tạo cho bò cho các huyện; tập huấn kỹ thuật cho kỹ thuật



Viện Nông nghiệp Thanh Hóa xây dựng mô hình nuôi thương phẩm bò lai F1 an toàn sinh học

ăn hỗn hợp; Quy trình chế biến dự trữ một số phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn để từ đó xây dựng các mô hình trình trình diễn tạo nền móng cho việc phát triển kinh tế hộ chăn nuôi tại vùng nông thôn và miền núi. Kết quả Dự án đã thực hiện một số nội dung chính sau:

Xây dựng mô hình nuôi bò cái lai zebu sinh sản

đơn vị diện tích; góp phần phát triển các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm bò lai F1 an toàn sinh học: Dự án đã tiếp nhận quy trình công nghệ và tổ chức tập huấn cho các hộ tham gia dự án xây dựng được 20 mô hình tại các gia trại trên địa bàn các huyện tham gia dự án

KHOA HỌC THANH HÓA

cho 300 lượt nông dân về kỹ thuật chăn nuôi bò thịt an toàn sinh học, giải quyết được việc làm cho gần một nghìn lao động tại các địa bàn dự án; Viện Nông nghiệp làm chủ được 5 công nghệ mới và đã tổ chức 1 cuộc hội nghị khoa học, định hướng và khuyến cáo công tác chăn nuôi bò trong thời gian tới.

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất lúa, gạo an toàn bền vững theo chuỗi giá trị tại một số huyện nông thôn miền núi tỉnh Thanh Hóa”

Chủ trì thực hiện - Trung tâm Nghiên cứu Khảo nghiệm và Dịch vụ cây trồng thuộc Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, đơn vị chuyên gia công nghệ Viện nghiên cứu và Phát triển cây trồng thuộc Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. Đơn vị chủ trì thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình như:

Chuyên gia và tiếp nhận các quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa, gạo an toàn theo VietGap. Các quy trình đã được đơn vị chuyên gia và tiếp nhận thành công: Quy trình hướng dẫn kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống lúa Hương Cốm 4

theo VietGap; Quy trình hướng dẫn kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống lúa Bắc Thịnh theo VietGap; Quy trình xử lý rơm rạ bằng chế phẩm vi sinh vật và tái chế phân hữu cơ; Quy trình thu hoạch lúa và chế biến gạo chất lượng cao.

Phân tích mẫu đất, nước từ đó lựa chọn vùng sản xuất. đã phối hợp với đơn vị tư vấn chọn được vùng sản xuất 150 ha gồm huyện Thọ Xuân (75 ha), huyện Ngọc Lặc (25 ha), huyện Đông Sơn (50 ha), đã xác định được các chỉ tiêu phù hợp, làm cơ sở để triển khai mô hình.

Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất theo VietGap, chế biến và tiêu thụ lúa, gạo an toàn theo chuỗi giá trị đối với các giống lúa chất lượng cao tại 3 huyện: Ngọc Lặc, Thọ Xuân và Đông Sơn.

Mô hình sản xuất lúa: Qua hai vụ sản xuất xây dựng 300 ha tại 7 xã thuộc 3 huyện Ngọc Lặc (Minh Sơn), Thọ Xuân (Thọ Lộc; Xuân Hồng; Xuân Sinh) và huyện Đông Sơn (tại xã Đông Hoàng và Đông Thịnh). Thông qua thực hiện mô hình, nông dân được cán bộ chỉ đạo tập huấn kỹ thuật, cấp nguyên vật liệu

để thực hiện, hướng dẫn ghi nhật ký theo dõi (Chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh...). Kết quả của mô hình qua 2 vụ, tổng sản lượng lúa được hình thành 1.912 tấn lúa (so với kế hoạch dự án cần đạt 1.800 tấn). Trong đó, vụ Mùa 2021 xây dựng 150 ha đạt được 897,85 tấn lúa thương phẩm; vụ Xuân 2021 xây dựng 150 ha đạt được 1.014,15 tấn lúa thương phẩm, sản lượng lúa của mô hình vượt mục tiêu đề ra 112 tấn.

Xây dựng mô hình xử lý rơm rạ bằng chế phẩm vi sinh vật và tái chế phân hữu cơ: Quy mô thực hiện 15 ha tại các xã: Đông Minh, Thọ Lộc, Minh Sơn mỗi xã thực hiện 5 ha, thời gian thực hiện Vụ mùa năm 2021. Các hộ thực hiện mô hình được cán bộ của dự án hướng dẫn sử dụng phân chế phẩm để sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm sản xuất lúa làm phân bón cho sản xuất vụ tới. Kết quả thực hiện xử lý được 15 ha rơm rạ sau thu hoạch và bổ sung thêm chất độn sau thời gian thực hiện thu được hơn 100 tấn phân hữu cơ.

Xây dựng mô hình thu hoạch lúa và chế biến gạo chất lượng cao: Từ kết

quả thực hiện mô hình sản lượng lúa tạo ra đạt 1.912 tấn lúa. Trong đó phần lớn người dân giữ lại để phục vụ lương thực cho gia đình, các hộ có nhu cầu làm hàng hóa Ban Quản lý dự án, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp, Công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê đã căn cứ hợp đồng liên kết và xác định lượng giống cần bao tiêu để mua cho nông dân, qua 2 vụ sản xuất, công ty thu mua được hơn 500 tấn lúa phục vụ chế biến, đóng gói và xây dựng thương hiệu gạo với tên gọi Sao Khuê 5.

Thực hiện dự án đã đào tạo được 5 kỹ thuật viên nắm vững các quy trình kỹ thuật của dự án, đủ khả năng tổ chức thực hiện các mô hình trong sản xuất lúa Bắc Thịnh và Hương Cốm theo VietGap; tập huấn kỹ thuật cho kỹ thuật cho 300 lượt nông dân nắm vững kỹ thuật thâm canh giống lúa Bắc Thịnh và giống lúa Hương Cốm đạt tiêu chuẩn VietGap. Tổ chức hội thảo khoa học định hướng phát triển sản xuất lúa gạo hàng hóa của tỉnh trong thời gian tới.

Từ kết quả thực hiện 2 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, được

sự quan tâm và tạo điều kiện của Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi, các vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ, công tác chỉ đạo sát sao của Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa đã chỉ đạo kịp thời với sự nỗ lực thực hiện của cán bộ trực tiếp xây dựng các mô hình của Viện và các đơn vị chuyển giao công nghệ, sự phối hợp của bà con nông dân vùng được lựa chọn, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, Công ty Sao Khuê. Đã tạo ra các sản phẩm trực tiếp như lúa gạo, thịt bò từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường, bên cạnh các sản phẩm trực tiếp đã tạo ra đồng thời là cơ sở, tiền đề góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, hiệu quả trong thời gian tới như:

Nâng cao năng lực về tổ chức thực hiện cho nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa; năng lực tổ chức chỉ đạo điều hành triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp cho cán bộ Viện nông nghiệp và các bộ địa phương có vùng được dự án triển khai.

Sản phẩm của dự án đã

tạo ra được các sản phẩm lúa gạo, thịt bò có chất lượng và hiệu quả sản xuất tốt hơn, tiến tới hình thành vùng sản xuất, mặt hàng sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Từng bước hình thành được vùng sản xuất, phương thức sản xuất và xây dựng được mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

Tranh thủ được nguồn lực của nhà nước để hỗ trợ cho phát triển đổi mới công nghệ phục vụ phát triển bền vững các sản phẩm của địa phương.

Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp, các đối tượng sản xuất để được tiếp cận với chương trình để được hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất.

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa tiếp tục chủ động nghiên cứu các giống mới, các công nghệ sản xuất mới phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó đặc biệt quan tâm đến công tác phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp cận, tiếp nhận các công nghệ mới để làm chủ, phục vụ kịp thời các yêu cầu sản xuất nông nghiệp của tỉnh đặt ra theo yêu cầu sản xuất hiệu quả và bền vững./.

ĐƯA CÂY GAI XANH TRỞ THÀNH SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CỦA TỈNH THANH HÓA

TS. Nguyễn Ngọc Túy

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Gai xanh (*Boehmeria nivea* L.Gaudich) là một trong những cây lấy sợi từ vỏ rất có giá trị vì sợi gai có nhiều đặc tính quý, sợi gai bóng, mịn và có độ óng ánh ngang với sợi tơ tằm. Đặc biệt sợi gai có độ bền cao nhất trong các loại sợi thực vật, có khả năng kháng khuẩn, chịu ẩm tốt, chịu được nấm mốc... Do đó, sợi gai là nguyên liệu tốt để sản xuất quần áo thời trang cao cấp cũng như những mặt hàng có giá trị khác. Ngoài ra, cây gai còn là cây trồng có khả năng chống xói mòn đất, bảo vệ môi trường rất hiệu quả và là một cây dược liệu quý.



Mô hình trồng cây gai xanh

Tháng 6/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sản xuất và Xuất nhập khẩu An Phước (Công ty An Phước) đã được Dự án FIRST - Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ tiêu dự án

“Làm chủ công nghệ trồng và chế biến tơ sợi chất lượng cao từ cây gai xanh phục vụ cho ngành dệt may với công suất 2.500 tấn/năm” trong thời gian 28 tháng (từ tháng 6/2017 đến

30/9/2019), với mục tiêu tổng quát là làm chủ các quy trình công nghệ từ khâu sản xuất giống, kỹ thuật canh tác và chế biến tơ sợi chất lượng cao từ cây gai xanh đạt chất lượng tương đương với sợi gai nhập khẩu giá thành cạnh tranh. Đổi mới sáng tạo biến cây gai thành cây trồng quy mô lớn theo chuỗi giá trị khép kín trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm sợi gai đạt giá trị chất lượng thẩm mỹ cao như độ bóng, mịn, bền đẹp hấp dẫn với người tiêu dùng và sợi cao cấp phục vụ ngành dệt may trong nước và xuất khẩu.

Công ty An Phước quyết định chọn lựa Thanh Hóa là địa điểm chính để triển khai Dự án FIRST lại bắt đầu từ nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN) cấp tỉnh về bảo hộ tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm bánh gai xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Bánh gai Tứ Trụ có nguồn gốc từ làng Mía, thuộc địa phận xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ngôi làng này được hình thành cách đây khoảng gần 600 năm, có vị trí thuận lợi,

liền kề dòng sông Chu màu mỡ trù phú, thổ nhưỡng rất phù hợp để trồng cây gai lấy lá làm bánh gai. Theo lời kể của những người dân làng Mía ở Thọ Xuân, trước đây loại bánh gai này được dâng lên tiến vua và chỉ được làm vào những ngày lễ, Tết, dịp quan trọng. Về sau, nhu cầu của người mua ngày càng cao, vì vậy làng nghề sản xuất quanh năm để đáp ứng cho những cơ sở bán đặc sản hoặc phục vụ khách du lịch mua về làm quà. Để nâng tầm thương hiệu Bánh gai Tứ Trụ gắn với phát triển làng nghề truyền thống địa phương, năm 2014, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa đã ký hợp đồng với UBND huyện Thọ Xuân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh: “Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Bánh gai Tứ Trụ cho sản phẩm bánh gai xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa”, do ông Lê Anh Xuân, Phó Bí thư Thường trực huyện ủy Thọ Xuân làm chủ nhiệm dự án. Sau 2 năm thực hiện, dự án thành công ngoài mong đợi, thương hiệu Bánh gai Tứ Trụ được Sở Khoa học và Công nghệ mang đến các sự kiện kết nối cung

cầu KHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức năm 2016. Tôi cũng không dám chắc, có phải vì mùi thơm ngon đặc sắc hương vị lá gai của Bánh gai Tứ Trụ Thọ Xuân, hay nguyên nhân gì khác, mà sau câu chuyện với chị Đỗ Thị Thúy - Chủ tịch HĐQT Công ty An Phước, thì niềm vui đến với người làm nông nghiệp tỉnh Thanh thật bất ngờ khi Công ty An Phước chọn lựa Thanh Hóa là địa điểm chính để triển khai Dự án “Làm chủ công nghệ trồng và chế biến tơ sợi chất lượng cao từ cây gai xanh phục vụ cho ngành dệt may với công suất 2.500 tấn/năm”. Đây là một cơ hội tốt nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị, tạo chuyển biến đột phá từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang làm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Việc phát triển cây gai xanh nguyên liệu trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đem lại hiệu quả, cho thu nhập cao gấp 2 đến 3 lần so với cây trồng khác trên cùng một đơn vị diện tích. Bên

KHOA HỌC THANH HÓA

ạnh lợi ích kinh tế rõ rệt, cây gai xanh còn có tác dụng phục hồi đất rất lớn. Do đó, cây gai xanh được xem là hướng phát triển cây trồng mới, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và cải tạo, phục hồi chất lượng đất nông nghiệp. Kết quả sản xuất thử từ vụ Thu Đông 2017 và vụ Xuân Hè 2018 tại Thanh Hóa cho thấy: Giống gai xanh AP1 ổn định về mặt di truyền, sinh trưởng tốt, đẻ nhánh khỏe, thân thẳng, ít đốt, không phân cành, và có nhiều đặc tính ưu việt, năng suất đạt 98,3 tấn/ha/4 lần thu hoạch, tức là 1,2 - 1,39 tấn/ha/lần thu hoạch, năng suất cao hơn đối chứng 20 - 25%, chất lượng xơ tốt đáp ứng được yêu cầu về nguyên liệu thô cho nhà máy chế

biến tơ sợi Cẩm Tú, Cẩm Thủy. Giống gai AP1 nhiễm nhẹ hoặc rất nhẹ sâu bệnh hại và có khả năng chống chịu tốt với các điều kiện bất thuận môi trường như hạn, nóng, lạnh. Trồng gai xanh AP1 đã mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với các cây trồng khác như mía, ngô và sắn.

Đề án phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh tỉnh Thanh Hóa

Tỉnh Thanh Hóa đã triển khai lộ trình phát triển vùng trồng cây gai xanh nguyên liệu theo Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh phục vụ Nhà máy sản xuất sợi dệt tại xã Cẩm Tú,

huyện Cẩm Thủy đến 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn 12 huyện. Đến năm 2021, phạm vi của Đề án đã được mở rộng lên thành 18 huyện theo Quyết định số 3820/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Mục tiêu của Đề án xác định đến năm 2025, diện tích trồng cây gai xanh của toàn tỉnh đạt 6.457 ha, năng suất bình quân 110 tấn gai tươi/ha/năm, tổng sản lượng trên 700.000 tấn/năm và ổn định đến năm 2030, cơ bản đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy sợi dệt tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy.

Mặc dù tỉnh Thanh Hóa đã ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích phát triển mở rộng diện tích cây gai xanh nguyên liệu (Nghị Quyết số 385/2021/NQ-HĐND ngày 24/4/2021 và Nghị quyết 116/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên, việc phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Đến hết tháng 3/2022, tổng diện tích trồng cây gai xanh mới đạt 670 ha, bằng 10% kế hoạch, chỉ đáp ứng được 15 - 20% nhu cầu cung



Trình diễn máy tuốt vỏ gai

cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến sợi An Phước; quy mô vùng nguyên liệu manh mún, nhỏ lẻ, chưa hình thành được vùng nguyên liệu lớn. Bên cạnh đó, với việc định hướng phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn, phân bố ở các địa phương có tính chất thổ nhưỡng khác nhau, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có các nghiên cứu cũng như các giải pháp kỹ thuật phù hợp với từng loại đất ở từng khu vực, từng địa phương cũng là một nguyên nhân gây khó khăn trong việc phát triển diện tích vùng nguyên liệu.

Một nguyên nhân khác của tình trạng trên là do chưa có giải pháp giải quyết thiếu hụt nguồn nhân công, lao động và ứng dụng khoa học và công nghệ trong khâu thu hoạch sơ chế. Như đã tính toán trên, nếu thu hoạch và sơ chế như hiện nay, thì số lượng lao động tốn hàng trăm công cho 1 ha. Trong khi đó, lao động tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh ngày càng thiếu hụt do một số lượng lớn nhân công đã đi làm ở các tỉnh khác hoặc đi làm ở các nhà máy công nghiệp trên địa bàn. Chính vì vậy đã dẫn đến thiếu hụt

lớn nguồn lao động để tạo động lực cho phát triển vùng nguyên liệu cũng như sơ chế thành phẩm cây gai.

Một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh trên địa bàn tỉnh, phấn đấu bình quân mỗi năm trồng mới 1500 ha cây gai xanh, đến năm 2025 toàn tỉnh đạt 6457 ha cây gai xanh trở lên, đáp ứng đủ nhu cầu của Nhà máy:

Một là, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh trên địa bàn tỉnh (Công văn số 604-CV/TU ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Hai là, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN thúc đẩy tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng nguyên liệu cây gai xanh quy mô lớn, thông qua việc chuyển đổi diện tích đất trồng cây lâu năm hiệu quả thấp sang trồng gai; áp dụng các hình thức cho thuê, chuyển nhượng, liên kết để hình thành cánh đồng gai quy mô lớn, thâm canh đồng bộ cho năng suất, chất lượng cao, đặc biệt là khâu

chăm sóc, thu hoạch và sơ chế cây gai xanh. Nghiên cứu cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp hiện có vùng canh tác rộng đang trồng cao su, cây sắn, cây mía kém hiệu quả chuyển sang trồng cây gia xanh quy mô lớn.

Ba là, đổi mới mô hình liên kết trồng, thu hoạch và sơ chế cây gai xanh theo hướng chuyên môn hóa các khâu trong quá trình sản xuất thông qua việc đầu tư đổi mới máy móc, dây chuyền công nghệ tuốt vỏ gai tập trung với quy mô công suất lớn, giảm thiểu tối đa nhân công lao động. Các doanh nghiệp, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp có thể đầu tư hệ thống máy móc tuốt vỏ gai công suất lớn, kèm modul sấy khô để thực hiện tập trung cho khâu thu hoạch và sơ chế cây gai - là khâu sử dụng nhiều lao động nhất. Tăng cường tự động hóa, cơ giới hóa nhằm giảm nhân công và cường độ lao động trong khâu thu hoạch, sơ chế nguyên liệu gai. Khuyến khích và ưu tiên các đơn vị đề xuất đặt hàng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ về cơ giới hóa đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình thu hoạch sơ chế cây gai./.

HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẦU ĐƯỜNG THANH HÓA

xây dựng, trưởng thành và phát triển

KS. Nguyễn Văn Khánh

Chủ tịch

Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Thanh Hóa

Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Thanh Hóa (Hội) được thành lập theo Quyết định số 3015/QĐ-UBTH ngày 16/9/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có nhiệm vụ tập trung trí tuệ của cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật cầu đường, tư vấn cho ngành giao thông vận tải trong việc định hướng phát triển ngành, xác lập các quy hoạch làm cơ sở cho tỉnh có kế hoạch đầu tư hợp lý về mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh... Sau hơn 20 năm hoạt động với 4 kỳ đại hội, đến nay Hội có 17 chi hội và 327 hội viên, trong đó số chi hội hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải là 15 chi hội, ngoài lĩnh vực giao thông vận tải là 2 chi hội.



Hội nghị Kỷ niệm 20 năm thành lập (2000 - 2020) và Đại hội lần thứ 5, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội

Trong quá trình hoạt động, Hội luôn được Hội Được Sở Giao thông Vận Khoa học Kỹ thuật Cầu tải Thanh Hóa là cơ quan đường Việt Nam và Liên bảo trợ, quan tâm tạo điều hiệp các Hội Khoa học và kiện về tinh thần cũng như Kỹ thuật Thanh Hóa quan vật chất trong các hoạt động tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của Hội. Hội viên hầu hết có cho Hội tham gia hoạt động trình độ đại học trở lên. Hội phổ biến thông tin khoa học đã tập hợp được các kỹ sư, và công nghệ (KH&CN), các chuyên gia hoạt động tập huấn, hội thảo khoa học trong ngành giao thông vận

tải, đặc biệt là lĩnh vực cầu đường tham gia. Nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý nghỉ hưu đã tự nguyện tham gia, tiếp tục đóng góp kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được nhiều năm cho lĩnh vực cầu đường tỉnh nhà.

Lãnh đạo Hội và Ban chấp hành Hội là những đồng chí cán bộ chủ chốt ở các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cầu đường, có tâm huyết và nhiệt tình với công tác hội, tinh thần trách nhiệm cao, luôn là đầu tàu thúc đẩy mọi hoạt động của Hội. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để Hội ngày càng phát triển và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên, do phần lớn hội viên hiện đang làm việc ở các cơ quan, các doanh nghiệp, vì vậy thời gian giành cho công tác hội vẫn còn hạn chế. Kinh phí của Hội hoàn toàn tự chủ nên cũng gặp không ít khó khăn, ảnh hưởng đến các mặt hoạt động của Hội.

Là một tổ chức xã hội nghề nghiệp, Hội luôn là một diễn đàn khoa học chuyên về ngành xây dựng cầu đường, chủ yếu phổ biến kịp thời các tiến bộ khoa học công nghệ về cầu đường trong nước và thế giới; công tác quản lý, khai thác, xây dựng hệ thống giao thông

đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; tìm hiểu và cập nhật các thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, các chế độ chính sách mới, về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Trên cơ sở đó, Hội đã tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tổ chức tham quan học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong công tác khảo sát thiết kế, quy hoạch giao thông vận tải, thẩm định, thẩm tra cũng như thi công các công trình giao thông vận tải, phổ biến áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới vào thực tế.

Có thể nói cùng với sự phát triển không ngừng của ngành giao thông vận tải, nhiều cây cầu lớn, nhiều tuyến đường huyết mạch trong tỉnh đã được xây dựng trong đó đều có sự tham gia đóng góp của hội viên Hội, như: đường vành đai phía Tây Thành phố Thanh Hóa, đường Nghi Sơn - Sao Vàng; đường ven biển Nga Sơn - Quảng Xương; Cảng hàng không Thọ Xuân...

Các chi hội trực thuộc Hội thường xuyên đầu tư mua sắm trang thiết bị mới, đào tạo nhân lực, tuyển dụng người có kinh nghiệm và tay nghề cao. Vì vậy, những năm vừa qua, công tác xây dựng cơ bản cầu đường đã

có nhiều tiến bộ, đảm bảo an toàn, hạ giá thành và chất lượng ngày càng tốt hơn. Một số chi hội tư vấn đầu tư trang thiết bị kỹ thuật mới như máy toàn đạc điện tử để khảo sát địa hình, các phần mềm tính toán địa chất công trình, phần mềm thiết kế cầu cống, giúp các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, thực hiện công việc đảm bảo tiến độ nhanh và độ chính xác cao. Ngoài ra, công tác thí nghiệm, kiểm định vật liệu, đã đầu tư mua sắm, nâng cấp nhiều thiết bị có tính năng kỹ thuật mới như máy nén bê tông, máy kéo nén thép vận năng, máy đo độ mài mòn của đá... để phục vụ sản xuất. Thường xuyên áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới như cầu bê tông cốt thép dự ứng lực, cầu bê tông cốt thép dầm SUPER-T, các loại cầu treo. Sử dụng các thiết bị tiên tiến vào thi công hàng chục chiếc cầu trên đường Hồi Xuân - Tén Tần, QL217, đường phía Tây Thanh Hoá, các cầu trong Khu kinh tế Nghi Sơn... đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Tham mưu cho lãnh đạo Sở Giao thông Vận tải ban hành các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình khi nhà nước có thay đổi về cơ chế, chính

KHOA HỌC THANH HÓA

sách. Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Giao thông Vận tải về các nút giao và mở rộng một số cầu lớn trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Hàng năm, Hội xây dựng kế hoạch và tổ chức cho hội viên tham quan học tập kinh nghiệm về công tác khảo sát thiết kế, thi công một số công trình cầu đường trong và ngoài nước. Hội là đầu mối hướng dẫn, vận động hội viên hưởng ứng tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ Việt Nam do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa chủ trì, phát động. Kết quả đạt được: có 2 giải pháp sáng tạo kỹ thuật của hội viên tham gia dự hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh đạt giải (1 giải Nhất và 1 giải Ba).

Hội luôn chú trọng đẩy mạnh hoạt động phản biện và giám định xã hội, góp phần đảm bảo chất lượng và tiến độ xây dựng công trình giao thông, tiết kiệm vốn đầu tư của Nhà nước, góp phần nâng cao vị thế của Hội trong hệ thống Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa. Hội đã cử các cán bộ, hội viên có kinh nghiệm tham gia vào các hội

đồng tư vấn phản biện do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa tổ chức và làm giám khảo chấm thi giải thưởng hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh. Bên cạnh đó, Hội đã tham gia góp ý và phản biện một số đề án, quy hoạch của tỉnh liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, như: Đề án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa do Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa làm chủ dự án; đánh giá tác động môi trường nhiều dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trong địa bàn tỉnh.. Ngoài ra Hội còn tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn KH&CN, tập huấn nghiệp vụ công tác hội và các hoạt động khác nhằm trao đổi thông tin, kinh nghiệm, tăng cường mối liên kết với các hội bạn trong và ngoài tỉnh.

Từ những kết quả đạt được, thời gian tới, Hội tiếp tục kiện toàn tổ chức của các chi hội, phát triển thêm các chi hội mới ở các đơn vị làm về lĩnh vực giao thông trực thuộc các huyện, thị, các doanh nghiệp. Tăng cường công tác tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động ở

các chi hội trực thuộc, gắn các vấn đề về khoa học kỹ thuật với công tác chuyên môn, phục vụ sản xuất ở cơ sở làm cho các hoạt động của chi hội có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả, đồng thời có kế hoạch giao lưu học tập kinh nghiệm với các hội bạn trong và ngoài tỉnh.

Hội tập hợp trí tuệ của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tham gia công tác quy hoạch, tư vấn phản biện, quản lý dự án, khảo sát thiết kế, thi công các công trình, đặc biệt là công tác nghiên cứu ứng dụng những thành tựu KH&CN mới đã được áp dụng trong nước và trên thế giới.

Trên cơ sở nghiên cứu và đề xuất các giải pháp về kỹ thuật, Hội sẽ tổ chức các hội thảo khoa học để hội viên tham gia theo từng chuyên đề cụ thể phù hợp với yêu cầu của từng lĩnh vực mà nhiệm vụ đề ra, như: cầu lớn vượt sông Lạch Trường, Lạch Hới và các vấn đề xử lý nền đắp trên đất yếu đường ven biển Nga Sơn - Quảng Xương... Ngoài ra, khuyến khích và tạo điều kiện để hội viên được tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học do Hội Khoa học Kỹ thuật Cầu đường Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa tổ chức./.

Tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng biến đổi khí hậu thông qua trồng và quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

ThS. Nguyễn Việt Nghị

Giám đốc Trung tâm

Nghiên cứu, tư vấn quản lý tài nguyên

và thích ứng biến đổi khí hậu*

Trong tâm Nghiên cứu, tư vấn quản lý tài nguyên và thích ứng biến đổi khí hậu - CORENACCA (Trung tâm) trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) đã được Chính phủ Đức tài trợ Dự án “Quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng để tăng cường khả năng chống chịu với rủi ro biến đổi khí hậu” thông qua Tổ chức Bánh mì cho Thế giới (BftW). Dự án hoạt động pha 1 trong 3 năm (2021 - 2024) tại các xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc



Chuyên gia tập huấn hiện trường (FFS) cho nhóm nuôi

Ong lấy mật tại 3 xã Dự án

và Nga Thủy, Nga Tân, huyện Nga Sơn. biển của tỉnh Thanh Hóa hiện có khoảng hơn 944,8

Huyện Hậu Lộc và huyện ha rừng ngập mặn tập trung chủ yếu tại xã Đa Lộc (Hậu

* Trung tâm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

KHOA HỌC THANH HÓA

Lộc), xã Nga Thủy và xã Nga Tân (Nga Sơn). Đây là các địa phương thuộc khu vực bãi ngang của tỉnh, kinh tế chưa phát triển, nhiều hộ gia đình thu nhập thấp còn nhiều khó khăn, sinh kế chủ yếu là canh tác nông nghiệp như chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây rau màu (xã Đa Lộc), trồng cây cói (xã Nga Tân và xã Nga Thủy) và khai thác và nuôi trồng thủy sản. Rừng ngập mặn đã góp phần đáng kể giảm thiệt hại do các loại hình thiên tai (bão, xâm nhập mặn,...) đối với cộng đồng dân cư 3 xã ven biển Đa Lộc, Nga Thủy, Nga Tân và 8 xã lân cận thuộc hai huyện Hậu Lộc và Nga Sơn, ngoài ra còn có khoảng 1.000 hộ gia đình ở các xã này có sinh kế phụ thuộc vào rừng ngập mặn như khai thác, nuôi trồng thủy sản, nuôi ong lấy mật, chăn nuôi thủy cầm,...

Trong những năm qua, nhiều chương trình, dự án trồng và phục hồi rừng ngập mặn kết hợp với hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng tại 3 xã Đa Lộc, Nga Thủy và Nga Tân đã được thực hiện tương đối hiệu quả, diện tích rừng ngập mặn được mở rộng, sinh kế của người dân được cải thiện. Tuy nhiên do những hiện tượng thời tiết

cực đoan như bão, mưa lớn, nước biển xâm nhập mặn,... vẫn gây thiệt cho hạ tầng, canh tác nông nghiệp, thủy sản và cuộc sống mưu sinh hàng ngày của cộng đồng, đặc biệt ảnh hưởng đáng kể đến các hộ gia đình nghèo, những hộ gia đình có nguồn thu nhập chủ yếu vào các nguồn lợi thủy sản từ rừng ngập mặn và từ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, các mô hình sinh kế hỗ trợ cộng đồng chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao, chưa có tính ổn định và bền vững, chưa khai thác được tiềm năng từ rừng ngập mặn để phát triển dịch vụ môi trường rừng và sinh kế (như các mô hình nuôi ong lấy mật, nuôi vịt biển,...). Trong khi đó, công tác quản lý rừng ngập mặn hiện nay do chính quyền địa phương quản lý, mặc dù phương thức quản lý này khá hiệu quả, tuy nhiên sự tham gia của cộng đồng còn hạn chế sẽ tác động tiêu cực đến tính bền vững trong công tác quản lý bảo vệ rừng ngập mặn và phát triển các mô hình sinh kế tại các địa phương.

Được sự nhất trí của Liên hiệp hội, UBND huyện Hậu Lộc và UBND huyện Nga Sơn, Trung tâm đã phối hợp

với phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn hai huyện Hậu Lộc, Nga Sơn và UBND 3 xã Đa Lộc, Nga Thủy và Nga Tân khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu của cộng đồng và chính quyền địa phương để dự thảo đề xuất dự án gửi nhà tài trợ BftW. Dự án sẽ góp phần thực hiện nâng cao nhận thức về giá trị của rừng ngập mặn về chức năng phòng hộ, hấp thụ cacbon,... và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý rừng ngập mặn, đa dạng mô hình sinh kế theo hướng thân thiện với môi trường, an toàn sinh học, tạo sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, góp phần nâng cao thu nhập, tạo lập sinh kế bền vững cho người dân, bảo vệ và phát triển rừng ngày càng hiệu quả trên địa bàn 3 xã Dự án.

Dự án sẽ thực hiện quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng và đo đếm cacbon với diện tích là 950 ha. Dự án này sẽ góp phần quản lý rừng bền vững và tận dụng tiềm năng sẵn có để phát triển các mô hình sinh kế như nuôi ong lấy mật, trồng rau sạch, cói không hóa chất, nuôi vịt biển... nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư ven biển.

Rừng ngập mặn tại 3 xã thuộc Dự án đang được chính quyền địa phương quản lý theo chức năng hành chính, chưa có quy định/cơ chế huy động sự tham gia của cộng đồng trong tiến trình quản lý rừng ngập mặn, do đó vai trò, trách nhiệm của người dân trong công tác quản lý rừng ngập mặn chưa được huy động và phát huy, người dân tham gia còn thụ động. Nhân lực và năng lực của UBND các xã về quản lý bền vững rừng ngập mặn thiếu và hạn chế.

Người dân chưa được thông tin và cập nhật đầy đủ các quy định bảo vệ rừng, chưa nhận thức đầy đủ việc khai thác thủy sản tự nhiên trong rừng ngập mặn bền vững và tầm quan trọng của rừng ngập mặn với biến đổi khí hậu (là bể chứa cacbon hiệu quả).

Còn nhiều diện tích rừng ngập mặn trồng thuần loài, nên chưa đa dạng hệ sinh thái rừng ngập mặn, chưa tạo ra rừng đa tầng tán làm tăng khả năng phòng hộ, tăng khả năng hấp thụ và bảo tồn cacbon.

Hiện tại địa bàn Dự án của huyện Hậu Lộc và Nga Sơn chưa có vườn ươm cây giống rừng ngập mặn, vườn ươm cộng đồng, cây



Tập huấn hiện trường kỹ thuật làm phân bón hữu cơ vi sinh từ phế phẩm nông nghiệp cho bà con

giống trồng rừng ngập mặn được mua từ các địa phương khác, do đó giá cây giống cao, thiếu chủ động thực hiện kế hoạch trồng rừng (theo thủy triều), quá trình vận chuyển làm ảnh hưởng đến chất lượng của cây giống.

Cộng đồng (đặc biệt học sinh) còn thiếu nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu, các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và vai trò hấp thụ và bảo tồn các bon của rừng ngập mặn.

Người dân (đặc biệt hộ nghèo) chưa tận dụng được tiềm năng lớn để phát triển sinh kế từ rừng ngập mặn như nuôi ong lấy mật, nuôi vịt biển. Người dân chủ yếu chăn nuôi tự phát, chưa biết hạch toán đầu tư, không có định hướng tạo ra sản

phẩm hàng hóa chất lượng, ổn định; thiếu nguồn lực tài chính đầu tư con giống, thiếu kỹ thuật chăn nuôi.

Ngày 10/12/2021, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 5055/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ thực hiện Dự án. Đến nay, Dự án đã triển khai thực hiện được một số kết quả đáng kể theo kế hoạch:

Dự án đã triển khai thành lập 3 Ban Quản lý Dự án cấp xã, 16 nhóm sinh kế gồm nuôi ong lấy mật, trồng cói không hóa chất, nuôi vịt và trồng rau sạch, 12 tổ quản lý bảo vệ rừng cấp thôn...

Đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng quản lý rừng ngập mặn và các mô hình sinh kế trên địa bàn 3

KHOA HỌC THANH HÓA

xã Dự án. Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi ong lấy mật cho 43 hộ nuôi ong tại xã Nga Tân, Nga Thủy và 57 hộ nuôi ong tại xã Đa Lộc. Bên cạnh đó, Dự án phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 50 hộ đăng ký chăn nuôi vịt tại xã Nga Thủy và xã Đa Lộc.

Đã xây dựng mô hình sản xuất phân vi sinh, phân bón hữu cơ vi sinh tại xã Nga Thủy và Nga Tân với sự tham gia của 150

hộ dân gia đình trồng cói nhằm cải thiện dinh dưỡng cho đất, giảm chi phí sản xuất cây cói.

Đã khảo sát và đang xây dựng vườn ươm cây giống cộng đồng tại xã Nga Thủy do nhóm vườn ươm của 2 xã Đa Lộc và Nga Thủy thực hiện. Đã khảo sát thiết kế khu vực trồng rừng năm 2022.

Trong thời gian tới, Dự án sẽ tiến hành triển khai trồng rừng đa tầng tán, cung

cấp con giống ong, vịt phát triển sinh kế cho các hộ dân ở 3 xã Dự án.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Liên hiệp hội, sự hợp tác của các sở, ngành và chính quyền địa phương, Trung tâm kỳ vọng Dự án sẽ thực hiện thành công trong thời gian tới và được nhân rộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội tỉnh ./.

Thơ vui khoa học:

Em là ai?

Lê Ngọc Sáng

Giám đốc Trung tâm

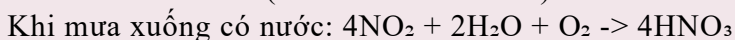
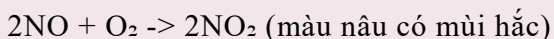
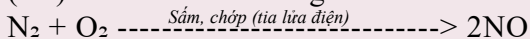
Thông tin KHCN và dịch thuật Thanh Hóa

*Em là cô gái non tơ
Vô tư em sống có nhờ ai đâu?
Bỗng dưng sét đánh ngang đầu
Chàng oxi cứ rầu rầu theo sau
"Yêu thì yêu, có sao đâu?"
Oxi cứ thế lún sâu cuộc tình
Giờ em thân chẳng ra hình
Da nâu, mùi hắc, lênh đênh giữa trời
Còn đâu trinh trắng một thời*

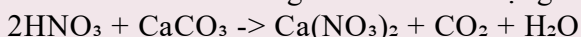
*Còn đâu nhan sắc cho đời đắm say
Lại thêm mưa gội, gió vầy
Ba chìm bảy nổi, ai hay cho cùng
May sao gặp bạn tương phùng
Chữ tâm vẫn giữ cho lòng bớt đau
Xấu mặt trước, đẹp lòng sau
Chung tay giúp sức làm giàu người quê
Bể dâu vẫn trọn lời thề
Thủy chung em lại trở về nguyên xưa.*

Giải đáp bằng phản ứng hóa học: Em là Nitơ.

Trong không khí, N₂ chiếm khoảng 78% về thể tích, không màu, không mùi, không độc, bền (trơ). Oxi chiếm khoảng 21% về thể tích, còn 1% là các khí khác.



Theo nước mưa xuống đất nó có tác dụng với các khoáng chất có trong đất:



Ca(NO₃)₂ cung cấp cho cây ion NO₃⁻ làm tăng năng suất cây trồng. Ion NO₃⁻ trong đất bị vi khuẩn phân hủy lại biến thành N₂. Hoặc được cây cói tổng hợp thành đạm thực vật, sau khi bị phân hủy cũng tạo thành N₂ (nguyên xưa).

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN

cây quế Thường Xuân

KS. Mai Xuân Hùng

Phó Chủ tịch

Hội Lâm nghiệp Thanh Hóa

Cây quế (*Cinnamomum cassia blume*) thuộc họ Long não (*Lauracea*) là loài cây bản địa được sử dụng để lấy vỏ chứa tinh dầu của rừng nhiệt đới. Hiện nay, các vùng sản xuất quế truyền thống ở nước ta, bao gồm: vùng quế Thường Xuân, Thanh Hoá (quế Ngọc - Châu Thường); vùng quế Yên Bái; vùng quế Trà My (Quảng Nam), Trà Bồng (Quảng Ngãi); vùng quế Nghệ An (Quế Phong, Quỳ Châu) và vùng quế Quảng Ninh. Mỗi vùng sản xuất quế đều có loài quế bản địa đặc trưng riêng, như: vùng quế Thường Xuân (Thanh Hoá) là giống quế Thanh (*Cinamomum obtusifolium* hoặc *Laurus obtusifolium*); vùng quế

Yên Bái chủ yếu là giống quế Trung Quốc (*Cinamomum cassia* Bl); vùng quế Quảng Nam, Quảng Ngãi chủ yếu là giống quế quan (*Cinamomum Zeylanicum* Nees) và vùng quế Quảng Ninh chủ yếu là giống *Cinamomum Tamala et Eberm.*

Trong các giống quế trên thì chỉ có giống quế Thanh Hóa là loài đặc trưng bản địa có phân bố lâu đời trong rừng tự nhiên của huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá; vỏ quế, tinh dầu thu được từ quế Thường Xuân có hàm lượng tinh dầu cũng như



Cây quế sau khi được thu hoạch

KHOA HỌC THANH HÓA

giá trị trong y học hơn hẳn những vùng quê khác trong cả nước.

Theo dòng lịch sử, trong kho tàng phong phú về tài nguyên thiên nhiên của rừng Thanh Hóa, quê Ngọc - Châu Thường, còn được gọi là Quê Trịnh Vạn Thường Xuân đã nổi tiếng từ xa xưa, dưới thời nhà Nguyễn, là sản vật quý cung tiến vua. Năm Minh Mạng thứ 17 được nhà vua cho khắc hình tượng vào Nghi Đình ở Đại nội Cung đình Huế.

Đặc biệt là quê Ngọc - Châu Thường ở khu vực Trịnh Vạn xưa, nay là huyện Thường Xuân trên địa bàn Bù Đôn, Bù Ta Leo, Vạn Xuân, Xuân Chinh, Xuân Lệ... thì rất quý và giá trị kinh tế cao. Quê Thanh Hóa còn được biết đến với tỷ lệ tinh dầu khá cao, tối đa có thể tới 5%, vỏ dày, chữa được nhiều bệnh; trong khi đó quê Yên Bái và Quảng Ninh chỉ 1,12 - 4% và các nơi khác là 1 - 2%.

Sản phẩm chính của quê là tinh dầu, có ở trong tất cả các bộ phận của cây quế: vỏ, lá, cành, thân cây, rễ, hoa, quả, nhưng nhiều nhất là ở vỏ quế. Tinh dầu quế được sử dụng nhiều trong công nghiệp dược liệu, dầu thơm, gia vị,... Quế là một

trong 4 vị thuốc quý của y học cổ truyền, gồm: Sâm, Nhung, Quế, Phụ. Ngày nay, người ta đã tìm ra nhiều công dụng chữa bệnh hoặc hỗ trợ trong việc chữa trị nhiều căn bệnh khác nhau từ quế, như: làm giảm cholesterol, giảm lượng đường máu và trị bệnh tiểu đường tuýp 2, củng cố hệ tim mạch, chống ung thư, bổ não, giảm đau do viêm khớp, chữa trúng phong,...

Cùng với tiềm năng to lớn của cây quế còn có cây luồng (dân gian gọi Thanh Hoá là đất “Vua luồng - Chúa quế”) là cây quý có giá trị kinh tế cao. Trong những năm 1954 - 1985, việc đưa cây quế vào trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất chưa được quan tâm đúng mức. Những năm 1985 - 1995, Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc (Chương trình 327) và Dự án trồng 5 triệu ha rừng (Dự án 661) đã đưa cây quế vào trồng rừng xen cây bản địa, cây keo... đẩy nhanh tốc độ phủ xanh đồi núi trọc, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình, góp phần quan trọng trong việc quản lý rừng bền vững, nâng tỷ lệ che phủ của rừng đạt 53,5% (năm 2021).

Tuy nhiên, đến nay cây quế Thường Xuân vẫn chưa

trở thành cây xóa nghèo bền vững cho người dân; cây quế và các sản phẩm từ quế chưa có chỗ đứng trên thị trường các nước trong khu vực và thế giới. Nhìn lại sau 35 năm (1987 - 2022) kể từ khi vùng quê Thường Xuân bị phá, bà con các dân tộc trong huyện vẫn luôn ý thức bảo tồn nguồn gien quế đặc sản này bằng cách giữ giống, tổ chức ươm và trồng quế trên đất được giao và trồng phân tán trong vườn nhà. Trong 3 năm từ 2003 - 2006, Hội Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp (nay là Hội Lâm nghiệp Thanh Hóa) đã triển khai Dự án “Bảo tồn và phát triển quỹ gien quế bản địa” do Quỹ Môi trường toàn cầu của Liên hợp quốc tài trợ kinh phí. Dự án được thực hiện ở 2 xã (xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa và 1 xã của huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi). Kết quả đã bảo tồn được 250 cây giống, trồng mới 12 ha bằng kỹ thuật thâm canh,...

Thực hiện chương trình công tác năm 2021, ngày 10/12/2021 Hội Lâm nghiệp Thanh Hoá tổ chức Hội thảo Khoa học bảo tồn, phát triển cây quế Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên (Thường Xuân,

Thanh Hóa có sự tham dự của đại diện lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Thường Xuân và các xã có trồng quế của huyện, Cục Quản lý Y dược cổ truyền Bộ Y tế, các đơn vị, các hội, hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan và các nhà khoa học có bài tham luận tại Hội thảo. Đã có nhiều báo cáo tham luận, nhiều ý kiến của các nhà khoa học, đơn vị lâm nghiệp, UBND huyện, các xã và các hộ có mô hình trồng quế huyện Thường Xuân.

Ngày 30/01/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát triển bền vững cây quế Ngọc huyện Thường Xuân giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025, đây chính là cơ hội thuận lợi cho phát triển cây quế Thường Xuân.

Về giá trị cây quế, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm cây quế, đặc biệt Thường Xuân - Thanh Hóa là rất lớn. Mong muốn của các nhà đầu tư vào cây quế Thường Xuân được phát triển có quy mô lớn, hình thành vùng nguyên liệu cây quế Ngọc - Thường

Xuân, sẽ là điểm đến của các nhà đầu tư cùng chung tay xây dựng, góp phần nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm cây quế phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu, làm giàu cho quê hương, nâng cao đời sống cho nhân dân, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ rừng bền vững...

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, ban, ngành và huyện Thường Xuân, đến nay, vùng quế đang dần được khôi phục trở lại. Trên địa bàn huyện, có 200 cây quế giống bản địa; vườn ươm giống quế với 2.000 m² có hệ thống giàn che cố định, tưới bán tự động, với công suất 50 vạn cây giống/năm. Có nhiều mô hình trồng quế phát triển tốt: Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên có 3 mô hình (60 ha trồng quế dưới tán rừng tự nhiên, 20 ha trồng quế xen keo với mật độ 2.000 cây quế/ha, 10 ha mô hình trồng quế xen cây nông nghiệp). Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân xây dựng rừng giống quế với 8 ha được 12 tuổi sinh trưởng và phát triển tốt và mô hình trồng 20 ha quế dưới tán rừng trồng. Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa trong 3 năm(2018 - 2020) đã triển khai thực hiện 3 mô

hình trồng thâm canh cây quế tại Thường Xuân, quy mô 48,5 ha tại xã Xuân Lễ (28,5 ha) và Xuân Lộc (20 ha) và 20 ha rừng thâm canh tại thị trấn Thường Xuân. Từ các mô hình đã nhân rộng ra các hộ gia đình, chủ rừng, các xã trồng mới được 1.514,61 ha rừng sản xuất tập trung với cơ cấu trồng xen cây quế (20 - 30%) và trồng phân tán được 25.000 cây quế trong vườn nhà, vườn rừng.

Tuy nhiên, Đề án triển khai đến nay chưa có hiệu quả cao, thực tế cho thấy còn tồn tại nhiều hạn chế:

Chưa xây dựng, hình thành được vùng quế “đặc sản” thương hiệu “Quế Thanh”; chưa có nhiều sản phẩm về quế, chưa gắn sản phẩm cây quế vào du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái; chưa có chính sách kêu gọi các nhà đầu tư vào với cây quế... Sự đồng thuận của người dân về chủ trương, chính sách phát triển cây quế còn nhiều vấn đề cần được giải quyết...

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền, hệ thống chính trị cấp xã, huyện chưa quyết liệt, đồng bộ. Chính sách đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, cấp tỉnh, cấp huyện chưa cụ thể, chưa phân khúc được mức hỗ trợ, đầu tư theo phân

KHOA HỌC THANH HÓA

đoạn nào. Về sản xuất, chế biến còn thủ công, nhỏ lẻ, mặt hàng sản phẩm chưa đa dạng, chất lượng chưa cao, chỉ mới đạt OCOP 3 sao, chưa có sản phẩm đạt OCOP 5 sao.

Để đạt được mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững giống quế Thường Xuân, Hội Lâm nghiệp Thanh Hóa xin kiến nghị một số nội dung sau:

Một là, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành có văn bản tiếp tục chỉ đạo quyết liệt thực hiện Quyết định số 343/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về Đề án Bảo tồn và Phát triển bền vững cây Quế

Ngọc huyện Thường Xuân giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Hai là, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá sớm xây dựng chính sách đầu tư phát triển cây quế trình UBND tỉnh phê duyệt sao cho người dân có được lợi ích ngang bằng hoặc cao hơn khi họ trồng cây keo trên cùng diện tích lâm nghiệp được giao.

Ba là, UBND huyện Thường Xuân chỉ đạo quyết liệt thực hiện Quyết định số 343/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Trước mắt khuyến khích các hộ trồng quế và hình thành các hợp tác xã sản xuất,

trồng, chế biến sản phẩm cây quế; tiến tới thành lập hiệp hội cây quế Thường Xuân... Kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng chung tay xây dựng vùng quế gắn với xây dựng nhà máy, góp phần nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm quế Thường Xuân phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Bốn là, Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân, Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa có báo cáo tổng kết các mô hình trồng quế, đúc kết kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ nhân rộng mô hình để nhân dân làm theo./.



Quế, tinh dầu quế Thường Xuân trưng bày tại Triển lãm “Thanh Hóa xưa và nay” nhân kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa.

ỨNG DỤNG CỦA GIƯỜNG BỆNH ĐA CHỨC NĂNG HỖ TRỢ BỆNH NHÂN LIỆT VẬN ĐỘNG, CỨNG KHỚP*

PGS.TS. Lê Viết Bái

*Chủ tịch Hội đồng trường
Trường Đại học Hồng Đức*

Tóm tắt

Giường bệnh đa năng hỗ trợ bệnh nhân liệt vận động, cứng khớp là sản phẩm thuộc đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh, nghiệm thu năm 2021 có khả năng thay đổi các tư thế cho bệnh nhân, tập vận động phục hồi chức năng cho cổ, các chi dưới của bệnh nhân. Ngoài ra, giường còn có thể tự động lật trở người hoàn toàn tự động làm giảm nguy cơ hoại tử do tì đè với cơ cấu lật thông minh, khác hoàn toàn với các giường hiện có trên thị trường. Các hoạt động của giường được thực hiện thông qua các phím mềm trên màn hình cảm ứng gắn với giường hoặc bằng điện thoại thông minh kết nối

với giường qua bluetooth hay internet với 3 chế độ: thủ công, chuyên biệt và tự động. Bài báo này trình bày những ứng dụng của giường trong việc hỗ trợ bệnh nhân nặng, liệt vận động cứng khớp, cải thiện chất lượng cuộc sống của người bệnh.

Mở đầu

Hàng năm, trên thế giới có từ 0,14 - 0,16% người dân bị đột quỵ^[1]. Bên cạnh đột quỵ, mỗi năm trên Thế giới có đến 69 triệu người bị chấn thương sọ não, nguyên nhân chủ yếu do tai nạn giao thông, cao nhất ở Châu Phi và Đông Nam Á (56%)^[2]. Các nghiên cứu thống kê của các nhóm tác giả khác nhau cho thấy tổn thương tủy sống cũng chiếm

tỉ lệ từ 8 - 246 ca/triệu dân tùy từng khu vực^[3-5]. Theo một số thông tin^[6], ước tính mỗi năm Việt Nam có hơn 200.000 người mắc đột quỵ, 800.000 người mắc chấn thương não và trên 3.000 người tổn thương tủy sống.

Những bệnh nhân đột quỵ não, chấn thương sọ não, tổn thương tủy sống thường phải nằm điều trị dài ngày dẫn đến những thương tật thứ cấp như loét do đè ép, teo cơ, cứng khớp, loãng xương,... Đây là nguyên nhân kéo dài ngày nằm viện, gây tổn kém, cản trở mục tiêu phục hồi chức năng và ảnh hưởng lớn đến tâm lý bệnh nhân. Phân tích dữ liệu trên toàn thế giới cho thấy tỷ lệ loét ở bệnh nhân khoa

* Công trình đạt giải Ba Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2021.

KHOA HỌC THANH HÓA

điều trị tích cực từ 0,9 % đến 41,2%^[7,8].

Vật lý trị liệu phục hồi chức năng là phương pháp được tiến hành sớm ngay từ khi bị bệnh nhằm giảm thiểu hình thành các thương tật thứ cấp, giúp người bệnh duy trì và phục hồi tối đa các chức năng vận động và sinh hoạt, giúp họ có thể sống độc lập, nâng cao chất lượng sống thậm chí có thể quay lại học tập hay làm việc được.

Trong vật lý trị liệu thì vận động trị liệu là hết sức quan trọng, làm giảm thiểu hình thành các vết loét tỳ đè, viêm phổi do nằm lâu, tạo thuận lợi cho đường tiêu hóa và tiết niệu tránh nhiễm trùng tiểu và táo bón; đối với hệ cơ xương khớp, tập vận động giúp duy trì tầm vận động khớp, độ dài của bắp cơ, tránh teo và co rút các bắp cơ, tránh cứng khớp và loãng xương ở những người bệnh phải nằm điều trị kéo dài. Đối với người bệnh nằm liệt giường, việc lăn trở phòng loét phải được tiến hành đều đặn 2-3 giờ mỗi lần, mỗi lần lăn trở phải kết hợp xoa bóp các vùng tỳ đè, vỗ rung lồng ngực, xoa bóp hướng tâm kết hợp tập một vài động tác vận động cho các chi thể để phòng tránh ứ trệ tuần hoàn hình thành huyết khối ở tĩnh mạch sâu của các chi đặc biệt là hai chi dưới. Những công việc này chủ yếu được

thực hiện bằng tay bởi các kỹ thuật viên vật lý trị liệu và điều dưỡng chăm sóc. Tuy nhiên do điều kiện về nhân lực còn hạn chế dẫn đến việc lăn trở và tập luyện cho người bệnh chưa được thực hiện một cách đầy đủ như yêu cầu của việc điều trị dẫn đến nhiều bệnh nhân vẫn bị loét, teo cơ, cứng khớp, hình thành di chứng xấu, cản trở sự phục hồi của người bệnh.

Giường đa năng hỗ trợ bệnh nhân liệt vận động, cứng khớp thuộc đề tài cấp tỉnh do các giảng viên Trường Đại học Hồng Đức nghiên cứu, chế tạo, thử nghiệm thành công và đã được nghiệm thu, xếp loại xuất sắc. Sản phẩm này cũng đã được gửi đi dự thi và đoạt giải Ba Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2021 (VIFOTEC).

Giường bệnh có 4 chức năng: (1) Điều chỉnh tư thế như nằm ngửa, nằm nghiêng sang hai bên, nửa nằm - nửa ngồi, ngồi và đứng; (2) tập



Hình 1. Tư thế nâng lưng

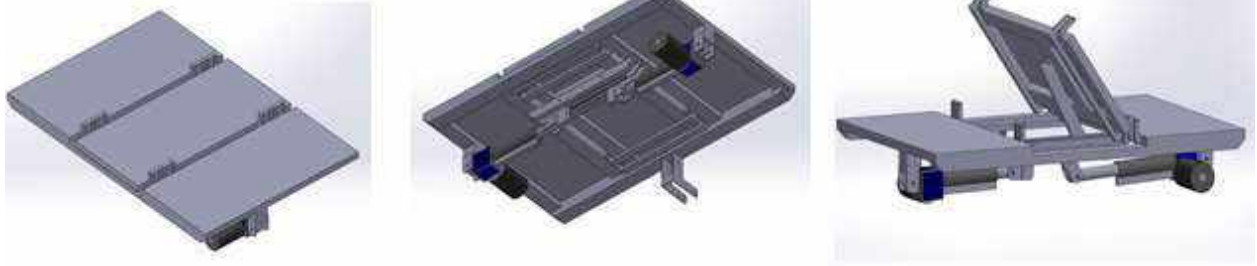
vận động các khớp chi dưới để phòng cứng khớp, teo cơ, loãng xương và huyết khối tĩnh mạch; (3) kéo giãn cột sống thắt lưng bằng chính trọng lượng của chính người bệnh để điều trị đau thắt lưng; và (4) di chuyển theo ý muốn của nhân viên y tế, bệnh nhân hoặc người nhà..., là hết sức cần thiết, cải thiện chất lượng điều trị và chăm sóc người bệnh.

Các chức năng của giường đa năng

1. Điều chỉnh tư thế

Giường có khả năng điều chỉnh các tư thế tạo cảm giác thoải mái cho người bệnh. Các tư thế có thể thay đổi là chuyển từ nằm ngửa sang nâng lưng (*hình 1*), tư thế nửa nằm nửa ngồi hay tạo thành tư thế như ngồi trên ghế và chức năng lật trở người sang trái, phải. Điểm khác biệt là cơ cấu lật lưng của giường được thiết kế đặc biệt, khác với những kết cấu lật lưng của các giường hiện có trên thị trường. Theo đó, việc lật, nâng trở lưng được thực hiện bởi tám đỡ lưng (tám giữa trong các *hình 2*). tám này có thể lật sang 2 bên nhờ hệ thống bản lề gồm 8 bản lề được thiết kế đặc biệt, bảo đảm cho việc lật lưng sang cả 2 phía được êm ái, chắc chắn. Cơ cấu lật lưng được mô tả như *hình 2*.

Những chức năng này thường được kích hoạt bằng



Hình 2. Cơ cấu lật lưng nhìn từ trên xuống (trái), dưới lên (giữa) và trạng thái lật (phải)

chế độ thủ công hoặc chế độ tự động. Đặc biệt, chức năng lật trở người khi để chế độ tự động sẽ giúp cho bệnh nhân được thay đổi các vị trí tí đề. Điều này sẽ làm giảm thiểu nguy cơ loét do tí đề. Sử dụng chức năng này, người nhà sẽ không phải túc trực để thay đổi các tư thế cho bệnh nhân. Đồng thời, các chức năng này có thể được bệnh nhân tự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của mình nếu bệnh nhân có đủ tỉnh táo và khả năng sử dụng tay điều khiển các phím ấn trên màn hình điều khiển hoặc trên điện thoại thông minh như chỉ ra ở hình 3.

2. Tập vận động các khớp

Để có thể phục hồi các khớp cho các bệnh nhân liệt vận động, cứng khớp, chức năng tập các khớp cho bệnh nhân được tích hợp trên giường bệnh. Để có thể sử dụng chức năng này, chế độ "chuyên biệt" trên phần mềm điều khiển được kích hoạt như trên hình 2.1 (phải). Các thông số cho tập luyện như góc bắt đầu, góc tối đa, và tốc độ tập, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc (bằng cách bấm nút sau cùng ở cột

"Active" để tiếp tục nhập các thông số này), chương trình luyện tập sẽ được lưu và sẵn sàng thực hiện sau khi phím "Start" được kích hoạt. Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc sẽ là thời gian thực nếu việc cài đặt được thực hiện sau khi giường được kết nối với điện thoại thông minh. Nếu không, thời gian thực sẽ được hiểu là từ khi phím "Start" được kích hoạt.

Sau khi được kích hoạt, các khớp sẽ tự động hoạt động theo chương trình đã cài đặt trước đây. Điều này sẽ giúp cho bệnh nhân được luyện tập một cách thụ động mà không cần sự hỗ trợ của người chăm sóc. Đặc biệt, người nhà bệnh nhân có thể cài đặt thời gian tập cho

bệnh nhân hoặc có thể cho bệnh nhân được tập luyện bất cứ lúc nào cho dù họ đang ở đâu thông qua điện thoại thông minh.

Như vậy, sử dụng chức năng này, cường độ, thời gian tập của bệnh nhân có thể được thay đổi từ nhẹ nhàng hay cường độ mạnh hơn tùy thuộc vào trạng thái của bệnh nhân và chỉ định của bác sĩ.

Hình 4 là hình ảnh của một bệnh nhân đang được tập khớp háng và gối trái tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương.

3. Kéo giãn cột sống bằng trọng lượng cơ thể

Giường được thiết kế cùng với bộ đai có khả năng treo cơ thể từ phần ngực đến đầu và cố định với đầu giường.



Hình 3. Màn hình điều khiển ở chế độ thủ công (trái), tự động (giữa) và chuyên biệt (phải)

KHOA HỌC THANH HÓA

Bệnh nhân sử dụng phím ấn để tăng dần góc nghiêng giữa giường với mặt đất. Trọng lượng của cơ thể sẽ giúp kéo giãn cột sống của bệnh nhân. Lực kéo sẽ tăng khi góc nghiêng tăng lên. Bằng sự điều khiển phím ấn, bệnh nhân có thể điều chỉnh để lực kéo phù hợp với yêu cầu của mình.

4. Di chuyển

Giường được bố trí 2 bánh xe chủ động và 2 bánh xe tự do. hai bánh xe chủ động được điều khiển bởi 2 động cơ điện một chiều. Bằng cần gạt, bệnh nhân có thể điều chỉnh sự di chuyển, quay xe nhờ hệ thống cung cấp và phân phối điện áp cho các động cơ điện này.

Kết luận

Giường bệnh đa năng hỗ trợ bệnh nhân liệt vận động, cứng khớp đã được nghiên cứu, chế tạo thành công. Với 3 chế độ điều khiển (bằng tay, tự động, chuyên biệt) thông qua màn hình cảm ứng hoặc điện thoại thông minh có kết nối bluetooth hoặc internet, nó có khả năng điều chỉnh tư thế như nằm ngửa, nằm nghiêng sang 2 bên, nửa nằm, nửa ngồi, và ngồi dậy; tập vận động các khớp chi dưới để phòng cứng khớp, teo cơ, loãng xương và huyết khối tĩnh mạch; kéo giãn cột sống thắt lưng bằng chính trọng lượng của chính người bệnh để điều trị đau thắt lưng; và di chuyển theo ý muốn của nhân viên y tế, bệnh



Hình 4. Tập khớp háng, gối trái

nhân hoặc người nhà.

Sản phẩm nghiên cứu đã được xây dựng thành nhiều option khác nhau và đang kêu gọi các nhà đầu tư sản xuất, thương mại hóa./

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Abolfazl Avan, Hadi Digaleh, Mario Di Napoli, et al., Socioeconomic Status and Stroke Incidence, Prevalence, Mortality, and Worldwide Burden: An Ecological Analysis From the Global Burden of Disease Study 2017, BMC Med. 2019 Oct 24;17(1):191. doi: 10.1186/s12916-019-1397-3.
- [2]. Michael C Dewan, Abbas Rattani, Saksham Gupta, et al. Estimating the Global Incidence of Traumatic Brain Injury. J Neurosurg. 2018 Apr 1;1-18. doi: 10.3171/2017.10.JNS17352. Online ahead of print.
- [3]. Nitin B Jain, Gregory D Ayers, Emily N Peterson, et al. Traumatic Spinal Cord Injury in the United States, 1993-2012. JAMA. 2015 Jun 9;313(22):2236-43. doi: 10.1001/jama.2015.6250.
- [4]. Julio C Furlan, Brodie M Sakakibara, William C Miller, Global Incidence and Prevalence of Traumatic Spinal Cord Injury. Can J Neurol Sci. 2013 Jul;40(4):456-64. doi:

10.1017/s0317167100014530.

- [5]. B B Lee , R A Cripps, M Fitzharris, P C Wing. The Global Map for Traumatic Spinal Cord Injury Epidemiology: Update 2011, Global Incidence Rate. Spinal Cord. 2014 Feb;52(2): 110-6. doi: 10.1038/sc.2012.158. Epub 2013 Feb 26.

- [6]. <https://suckhoedoisong.vn/moi-nam-uoc-tinh-viet-nam-co-hon-200000-ca-dot-quy-moi-n175429.html>; <https://ykhoaphuocan.vn/tintuc/y-duoc-hang-tuan-dot-quy-tai-bien-mach-mau-nao-la-gi>; <https://www.christopherreeve.org/vi/international/top-paralysis-topics-in-vietnamese/spinal-cord-injury>.

- [7]. Michelle Barakat-Johnson, Michelle Lai, Timothy Wand, et al. The Incidence and Prevalence of Medical Device-Related Pressure Ulcers in Intensive Care: A Systematic Review. J Wound Care. 2019 Aug 2;28(8):512-521. doi: 10.12968/jowc.2019.28.8.512.

- [8]. Wendy P Chaboyer , Lukman Thalib, Emma L Harbeck, et al. Incidence and Prevalence of Pressure Injuries in Adult Intensive Care Patients: A Systematic Review and Meta-Analysis. Crit Care Med. 2018 Nov;46(11):e1074-e1081. doi: 10.1097/CCM.0000000000003366.

Kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2022)

Chủ tịch Hồ Chí Minh

coi trọng đặc điểm đối tượng trong giáo dục, giao tiếp

Ai đã nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh giảng bài, nói chuyện đều thấy dễ hiểu, xúc động, nhớ lâu, dường như có một sức mạnh thôi thúc mình đem những điều đã nghe vận dụng vào cuộc sống. Ông Phan Trọng Bình được học với thầy Lý Thụy (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) ở Quảng Châu năm 1926 viết: “Mỗi khi Người giảng bài cả lớp đều say sưa..., đến nay mấy chục năm rồi mà tôi không sao quên được”⁽¹⁾. Đại tá Lê Nhân, cán bộ Đại đoàn 304, đã ghi lại cảm tưởng lần đầu tiên được gặp Hồ Chủ tịch tại Việt Bắc năm 1951: “Bác mở đầu hôm nay cha đến thăm con, Bác đến thăm cháu, chứ không riêng gì Chủ tịch nước đến thăm bộ đội. Câu nói của Bác sao mà sâu nặng, trù mẩn thế! Qua mấy chục năm rồi tôi vẫn nhớ rõ, tưởng như Bác vừa nói”⁽²⁾.

Bác cho rằng đối tượng giáo dục là nhân tố quyết định hiệu quả giáo dục. Phải lựa chọn nội dung, phương pháp sao cho phù hợp với đối tượng, “đóng giày theo chân”, chứ không thể bắt đối tượng bị động nghe người nói, người dạy theo kiểu “gọt chân cho vừa giày”. Người đã lật ngược quan điểm xưa nay cho rằng người học, người nghe không hiểu là do họ dốt, chứ người nói, người dạy bao giờ cũng thông thái. Người viết: “Tục ngữ có câu: “Gãy đòn tai trâu”, là có ý cho người nghe không hiểu. Song những người tuyên truyền mà viết và nói khó hiểu thì chính người đó là “trâu”⁽³⁾.

Bác cho rằng hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục là phải làm cho đối tượng hiểu đúng và quan trọng nhất là làm sao họ nảy sinh được nhu cầu muốn đem

những hiểu biết đó vận dụng vào cuộc sống. Nếu đối tượng chỉ thấy hay, khen hay mà không hiểu hay thế nào, dùng cái hay đó làm gì, thì việc tuyên truyền, giáo dục sẽ vô ích. Hồ Chủ tịch viết: “Có lần đi dự hội nghị về, Bác gặp một tập thanh niên phụ nữ nông thôn ngồi nghỉ. Bác hỏi họ đi đâu thì họ bảo đi dự lớp huấn luyện về. Bác hỏi học vui không, họ trả lời “vui lắm ạ!”. Thế học những gì?. “Học Các Mác”. Học thế rồi có biết làm gì không? Họ áp úng “Không ạ!”. Thế là phí công phí của vô ích”⁽⁴⁾.

Khi giảng bài, nói chuyện, Người rất coi trọng việc gợi ý cho đối tượng tự do tranh luận, để biết đối tượng hiểu như thế nào mà truyền đạt, giải đáp. Ở một lớp học tại Tuyên Quang, khi giảng cho chị em dân tộc ít người về công tác bảo mật, Hồ Chủ tịch nêu câu hỏi: “Chị em có đồng bạc trắng thường giữ cách nào để khỏi mất?”. “Thưa cụ, cất vào hòm ạ! Thưa cụ, gói vào bao vải rồi buộc vào lưng ạ!”. Nghe mọi người trả lời xong, Người mới nói: “Các chị em nói đúng cả. Cất giấu cẩn thận, bí mật thì không mất đi đâu được. Bây giờ cán bộ, bộ đội về đông, chị em cũng phải giữ bí mật, bảo vệ cán bộ bộ đội cẩn thận như cất giấu đồng bạc vậy! Muốn thế ai hỏi cũng phải trả lời ba không: không biết, không thấy, không nghe”⁽⁵⁾.

Trong giao tiếp, trò chuyện, đối xử, Hồ Chủ tịch rất coi trọng đặc điểm của từng loại đối tượng: nhân sĩ, công nhân, nông dân, trí thức... để có những tác động khác nhau. Vì thế có sức thuyết phục, cảm hóa rất lớn. Chuyện kể, một lần họp Chính phủ ở Tân Trào, ông Đặng Phúc Thông là một thành

viên đến chậm. Khi nghe tiếng gõ cửa cuối phòng và thấy có người định đứng dậy mở cửa, Bác đang đứng trên bục trình bày, liền nhấn mạnh vấn đề khiến mọi người phải tập trung ghi chép. Sau đó ít phút, Bác cho giải lao. Ông Thông vì phải đứng ngoài chờ lâu, nên vào ngồi cạnh ông Phạm Văn Đồng, vẻ mặt tỏ ra khó chịu. Bác nhận thấy, tùm tùm cười, bảo ông Thông: “Chú Thông dự cuộc họp bàn về nếp sống mới mà đến chậm, đáng phải cảnh cáo, sao lại còn ngồi “thông đồng” với nhau?”. Rồi vẫy ông Thông lại chỗ mình. Khi bắt tay Bác, ông Thông đáp: “Bác quá rất “thông minh”. Bác rút điều thuốc đưa cho

ông Thông, rồi tế nhị nhận xét: “Bác phê bình chú đi họp chậm, nhưng thường chú điều thuốc về tài đối đáp”. Ông Đặng Phúc Thông rất cảm động về sự đối xử với trí thức của Bác, từ đó bỏ hẳn thói quen hay đến chậm và kể lại câu chuyện này cho gia đình nghe⁽⁶⁾.

Dân Chủ

-
- (1) Nhớ lại lớp huấn luyện đầu tiên - Báo Nhân Dân số 10-1-1970
 - (2) Lê Chiến Công (Lê Nhân) - Lần đầu tiên được gặp Bác Hồ - Bản thảo chưa xuất bản
 - (3),(4) Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 4) - Nxb Sự Thật 1984
 - (5) Bác Hồ ở Việt Bắc - Nxb Việt Bắc 1975
 - (6) Theo lời kể của ông Đặng Sư Đạo, con trai đầu của ông Đặng Phúc Thông

THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT HOÀN THIỆN HỆ THỐNG AFFNATION SẢN XUẤT ĐƯỜNG REFINED TỪ ĐƯỜNG THÔ, ĐƯỜNG VÀNG CHẤT LƯỢNG THẤP*

**Nhóm tác giả: Trịnh Việt Dũng, Nguyễn Duy Thành,
Lê Quang Mây, Lê Viêt Hùng, Nguyễn Đình Chính,
Nguyễn Văn Hà, Trịnh Đăng Thọ, Nguyễn Thanh Đồng**
Nhà máy đường 2 - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Trong những năm qua, Công ty CP Mía đường Lam Sơn đã thu mua các loại đường đưa vào chế luyện thương mại là các loại đường trắng RS của các nhà máy trong nước, đường vàng và các loại đường thô không đủ tiêu chuẩn cung cấp cho ra thị trường để chế luyện lại.

Khi đó nhà máy chỉ lắp đặt 1 hệ thống kết hợp thiết bị hiện có tại nhà máy để đưa đường thô, đường vàng vào chế luyện lại bằng cách phối trộn đường thô cùng với đường non A trên dây chuyền sản xuất từ mía. Tuy nhiên hiệu quả chế luyện không cao, hiệu suất tổng thu hồi

thấp ảnh hưởng lớn đến giá thành sản xuất và chất lượng sản phẩm, làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm so với các nhà máy tinh luyện đường khác trong nước.

Nguyên nhân là do đường thô, đường vàng thu mua từ thị trường có kích thước hạt đường bé hơn đường

* Giải pháp đạt giải Nhất của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 16 (2020 - 2021).

vàng Lam Sơn nên khi trộn lẫn vào ảnh hưởng đến chất lượng, độ đồng đều của hạt đường vàng thành phẩm, dễ gây đóng cục trong bao bì sau khi nhập kho; mật rửa khi qua hệ thống Affination của đường thô độ tinh khiết cao hơn mật A từ mía, khi trộn lẫn làm ảnh hưởng đến hiệu quả kết tinh của nấu đường, hiệu suất tổng thu hồi chung của dây chuyền bị tụt giảm; vị trí đưa đường thô vào chế luyện chặt hẹp, quá trình vận chuyển đường từ kho chứa đến vị trí chế biến khó khăn làm tăng chi phí trung chuyển, tiêu tốn nhiều nhân lực bốc xếp, năng suất sản xuất đạt thấp.

Vì vậy, tác giả đã thiết kế, chế tạo, lắp đặt hoàn thiện hệ thống Affination sản xuất đường Refined từ đường thô, đường vàng chất lượng thấp để khắc phục những hạn chế trên.

Thiết kế kho chứa kết hợp lắp đặt hệ thống Affination mới có tổng diện tích $31 \times 114.62 \text{ m} = 3.550 \text{ m}^2$ sức chứa 16.000 tấn. Chế tạo, lắp đặt hoàn thiện hệ thống đưa đường thô vào chế luyện có công suất 450 tấn/ngày toàn bộ thiết bị chính của hệ thống thiết bị đường Aff sẽ được lắp đặt, kết nối cùng các thiết bị trên dây chuyền nhà máy đường hiện tại để có thể chạy kết hợp trong vụ sản xuất chính hoặc sản xuất

độc lập ngoài vụ ép.

Kho đường mới sẽ được lắp 1 cầu với tải trọng 3 tấn với mục đích tiếp nhận đường thô, đường vàng đóng bao 1 tấn và phục vụ cho việc vận chuyển đưa đường thô vào chế luyện. Cũng như việc bảo trì toàn bộ hệ thống thiết bị Affination.

Quá trình Aff đường thô:

Để đưa được đường thô vào chế luyện đủ đáp ứng được yêu cầu đầu vào cho quá trình chế luyện phía sau, đường thô phải được xử lý (rửa lại hạt đường) để loại bỏ bớt chất không đường, giảm độ màu xuống 1000 - 1200 IU. Quá trình này gọi là quá trình Affination.

Đường thô, đường vàng sau khi nhập về nhà máy có thể dùng bao chứa 50 kg hoặc bao Jumbo 1.000 kg, được tập kết tại kho chứa với sức chứa tối đa là 16.000 tấn, dùng băng tải hoặc cầu vận chuyển đến khu vực Aff đường. Sau khi đưa đến khu vực Aff có thể dùng cầu cho lên bin chứa hoặc có thể dùng băng tải để đưa vào bin chứa. Mục đích của bin chứa này là duy trì ổn định lưu lượng đường đưa vào chế luyện theo năng suất yêu cầu. Từ bin chứa đường qua van quay, vít tải vào thùng phối trộn cùng với nước nóng để đạt nồng độ $Bx = 92 - 94\%$. Mục đích của giai đoạn này là dùng nước

nóng rửa bớt phần mật, chất không đường còn bám lại trên bề mặt tinh thể đường. Sau đó đường trộn được đưa vào máng phân phối và đi vào ly tâm. Sau quá trình ly tâm tách được đường cát và mật Aff. Đường cát có $Ap = 98.5\%$; Độ màu 900 - 1200 IU đi vào thùng được hòa tan bằng nước nóng và được gia nhiệt bằng hơi LS để duy trì nhiệt độ dịch hòa tan bằng $70 - 72^\circ\text{C}$. Độ $Bx = 70-75\%$, hệ thống này chạy hoàn toàn tự động. Dịch hòa tan được bơm lên thùng H2 cho vào quá trình chế luyện. Mật Aff có độ tinh khiết $Ap = 88 - 92\%$ bơm lên thùng chứa mật R3 để nấu đường A,B,C thu hồi.

Tính mới:

Phương án này cơ bản đã khắc phục được các tồn tại của nhà máy trước khi lắp đặt hệ thống. Chất lượng sản phẩm đường RE khá tốt so với trước khi lắp đặt hệ thống.

Khắc phục sự thiếu hụt trầm trọng sản lượng đường của công ty do thiếu mía nguyên liệu, đủ đáp ứng cung cấp sản phẩm đường tinh luyện chất lượng cao cho các khách hàng truyền thống lớn như Pepsi, Coca-cola và các khách hàng khó tính. Cung cấp dịch chè tinh chất lượng cao xuất khẩu. Nhà máy còn có thể đưa thêm 70.000 - 80.000 tấn đường thô vào luyện, thời

KHOA HỌC THANH HÓA

gian luyện tăng thêm từ 100 - 120 ngày nên giảm chi phí bảo trì, khấu hao tài sản cố định và thời gian nghỉ chờ việc làm của công nhân.

Thiết kế, chế tạo, lắp đặt toàn bộ từ nhà kho, đến hoàn thiện hệ thống đều do đội ngũ lãnh đạo, các kỹ sư, công nhân trong công ty đảm nhiệm nên giá thành đầu tư ở mức hợp lý.

Sau khi lắp đặt hệ thống Afination, nhà máy hoàn toàn có thể luyện đường ngoài vụ độc lập bằng cách sử dụng các nhiên liệu sinh khối để đốt lò hơi như: vỏ trấu, vỏ cây băm, mùn cưa,... là phế phẩm của các nhà máy chế biến gỗ trong và ngoài tỉnh. Trong quá trình luyện đường, nhà máy cũng sẽ kết hợp với phát điện để tiêu dùng nội bộ và bán lên lưới điện quốc gia.

Khả năng áp dụng:



Dây chuyền sản xuất đường - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá

Sau khi thiết kế, chế tạo, lắp đặt xong, hệ thống Afination đường thô đã được đưa vào vận hành vào tháng 12/2020. Qua quá trình sản xuất, toàn bộ các thông số vận hành, các chỉ tiêu công nghệ đã được phân tích, đánh giá đều đáp ứng được yêu cầu, năng suất còn vượt năng suất thiết kế.

Hệ thống Affination này hoàn toàn áp dụng được cho các nhà máy đường có sử dụng công nghệ luyện đường từ mía với các ưu điểm như: ngoài đưa đường thô vào luyện còn có thể đưa đường vàng hoặc đường trắng RS vào luyện mà vẫn đáp ứng được quá trình công nghệ; chi phí đầu tư rẻ; toàn bộ quá trình chỉ cần 3 lao động là có thể vận hành ổn định cả hệ thống; hệ thống thiết bị được lắp đặt ở cos(-) do vậy các nguồn nước, dịch rơi vãi đều

được thu gom sạch sẽ vừa đảm bảo thu hồi và không phát thải ra môi trường.

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Đối với sản xuất dịch chèn tinh xuất khẩu, căn cứ vào bảng tính giá thành sản xuất cho 60.000 tấn đường thô sản xuất ngoài vụ, công suất 400 tấn/ngày sản xuất trong 150 ngày, lợi nhuận từ sản phẩm phụ thu hồi thêm trong quá trình sản xuất (gồm mật rỉ, đường vàng, điện phát bán lên lưới) là hơn 3 tỷ đồng.

Đối với sản xuất 100% đường luyện, giá trị làm lợi do tăng hiệu suất tổng thu hồi từ 94% lên 96.1% và các chi phí khác (vật tư, hoá chất, nhân công) là 1.260 tấn đường luyện tương đương với 18,9 tỷ đồng (đơn giá đường luyện là 15 nghìn đồng/tấn).

Giải pháp được áp dụng ngoài việc làm tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty mà còn có ý nghĩa to lớn về mặt xã hội đó là tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, ổn định tinh thần gắn bó lâu dài với công ty.

Với lợi thế có thể chạy luyện đường độc lập ngoài vụ từ nguồn nhiên liệu sinh khối và các phế phẩm của các nhà máy chế biến gỗ, giải pháp góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà máy chế biến gỗ cùng phát triển bền vững./.

TIN HOẠT ĐỘNG

Hội thảo khoa học phản biện “Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư và hỗ trợ hoạt động trong khu công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025”



Toàn cảnh Hội thảo

Sáng ngày 15/03/2022, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư và hỗ trợ hoạt động trong khu công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025” (Chính sách). Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp hội chủ trì Hội thảo. Tham gia Hội thảo có các thành viên Hội đồng phản biện; đại diện các đơn vị có liên quan, cơ quan Liên hiệp hội và cơ quan soạn thảo.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe Báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên hiệp hội soạn thảo sau khi tổng hợp, chọn lọc từ các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng phản biện về dự thảo Chính sách trên. Dự thảo

Chính sách đã được nghiên cứu xây dựng nghiêm túc, phù hợp với nhiệm vụ được giao. Báo cáo nghiên cứu chủ yếu tập trung nhận xét một số nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện như: nghiên cứu điều chỉnh lại tên của Chính sách; sắp xếp lại bố cục cho phù hợp với quy định; sắp xếp, lựa chọn các căn cứ pháp lý phù hợp, còn hiệu lực và bổ sung thêm căn cứ thực tiễn; rút gọn phần mục tiêu cụ thể; nghiên cứu xác định về hiệu quả của các chính sách đưa ra và khả năng tiếp cận chính sách của doanh nghiệp;...

Các thành viên Hội đồng phản biện cơ bản thống nhất với nội dung của Báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên hiệp hội chuẩn bị. Các chuyên gia, nhà quản lý đã đưa ra những nhận xét, đánh giá thẳng thắn, khách quan và đúng trọng tâm. Cơ quan soạn thảo là Sở Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, ghi nhận các ý kiến góp ý, đồng thời, giải trình và làm rõ một số nội dung của dự thảo Chính sách.

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tiếp thu và hoàn thiện Chính sách theo quy định./.

Thông tin chính trị - thời sự trong nước và quốc tế *Tình hình chiến sự Nga và Ukraine*

Sáng ngày 15/4/2022, tại Nhà hát Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) phối hợp với Câu lạc bộ Hàm Rồng tổ chức thông tin chính trị - thời sự tháng 4/2022 về nội dung: Tình hình trong nước và quốc tế - Chiến sự Nga và Ukraine, do PGS.TS. Thiếu tướng Lê Văn Cương - Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược Bộ Công an, Báo cáo viên Trung ương, trình bày. Diễn đàn thông tin lần này có sự tham gia của Ban Thường vụ Liên hiệp hội và chủ tịch, phó chủ tịch các hội thành viên, giám đốc, thủ trưởng các trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết; Ban Lãnh đạo và các hội viên Câu lạc bộ Hàm Rồng, Câu lạc bộ Hưu trí công an Thanh Hóa, Câu lạc bộ Hạc Thành, TP. Thanh Hóa.

Tại Diễn đàn, PGS.TS. Thiếu tướng Lê Văn Cương đã phân tích, đánh giá về tình hình thời sự, kết quả nổi bật



Toàn cảnh Diễn đàn



PGS.TS. Thiếu tướng Lê Văn Cương trình bày tại Diễn đàn

trong mọi lĩnh vực của Việt Nam những tháng đầu năm 2022. Bên cạnh đó, diễn giả đã chuyên tải một cách sinh động về bối cảnh quốc tế, khu vực, đặc biệt là về cuộc chiến Nga - Ukraine, như: lịch sử hình thành Liên bang Nga và Ukraine và những “vết đen” trong lịch sử quan hệ giữa Nga - Ukraine; chiến lược làm suy yếu nước Nga của Mỹ; tình hình chiến sự hiện nay ở Ukraine và quan điểm của Việt Nam về cuộc chiến này. Từ đó, đưa ra các dự đoán về kết quả cuộc chiến và hậu quả của cuộc chiến ảnh hưởng đến các quốc gia, khu vực và thế giới...

Thông qua Diễn đàn, các đại biểu đã được cập nhật, cung cấp những thông tin thời sự thiết thực về tình hình trong nước và thế giới; góp phần nâng cao nhận thức của các đại biểu về quan điểm, đường lối của Đảng ta đối với tình hình trong nước và các vấn đề quốc tế liên quan đến Việt Nam./.

Tập huấn xử lý rác thải hữu cơ làm phân bón quy mô hộ gia đình tại huyện Hoằng Hóa

Sáng ngày 22/4/2022, tại Hội trường UBND xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, được sự hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), Trường Đại học Hồng Đức phối hợp với Hội Khoa học Kỹ thuật huyện Hoằng Hóa tổ chức Hội nghị tập huấn xử lý rác thải hữu cơ làm phân bón quy mô hộ gia đình và kỹ thuật tự làm chế phẩm sinh học cho cây trồng cho các giám đốc hợp tác xã nông nghiệp, khuyến nông viên cơ sở và các nông dân tiêu biểu của huyện Hoằng Hóa. Về phía Liên hiệp hội, dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Văn Phát - Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Quốc Uy - Phó Chủ tịch và Văn phòng Liên hiệp hội.

Các giảng viên Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức đã cung cấp cho người dân kiến thức về ủ phân hữu cơ; giới thiệu một số kỹ thuật tự làm chế phẩm sinh học cho cây trồng, như: kỹ thuật dịch lên men thực vật, lên men vi khuẩn lactic, tạo chế phẩm thuốc trừ sâu từ củ riềng, kỹ thuật làm giấm gỗ; giải đáp thắc mắc của người dân về những vấn đề liên quan đến xử lý rác thải hữu cơ và chế phẩm sinh học tự làm. Bên cạnh đó, người dân còn được thực hành tại chỗ kỹ thuật làm men vi sinh từ các

nguyên liệu dễ kiếm, như: sữa chua, bã bia, rau quả, mật rỉ đường...

Buổi tập huấn đã cung cấp nhiều thông tin, kiến thức bổ ích, giúp người dân vươn lên tiếp cận được các kỹ thuật, mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường; khi áp dụng và thực tế sẽ góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân địa phương./.



Giảng viên Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức tập huấn cho người dân



Toàn cảnh Hội nghị

Phản biện Đề án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thanh Hóa

Sáng ngày 26/4/2022, tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Đề án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thanh Hóa” (Đề án). Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội chủ trì Hội thảo. Tham gia Hội thảo có các thành viên Hội đồng phản biện, cơ quan Liên hiệp hội và cơ quan soạn thảo.

Căn cứ vào dự thảo Đề án và các tài liệu liên quan do Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan soạn thảo) gửi đến Liên hiệp hội và ý kiến của các thành viên Hội đồng, Liên hiệp hội đã xây dựng thành báo cáo nghiên cứu phục vụ Hội thảo phản biện Đề án. Nhìn chung, bố cục, kết cấu của Đề án được xây dựng cơ bản đúng theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt



Toàn cảnh Hội thảo

đề cương "Đề án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thanh Hoá". Nội dung trong các phần được đề cập phong phú, nhiều thông tin bổ ích, đã làm rõ các mặt mạnh, yếu, các điều kiện đã đạt được và các tiêu chí chưa đạt được của khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh. Qua đó đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề về kết cấu, nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện để Đề án có cơ sở khoa học, khả thi khi triển khai thực hiện.

Các thành viên Hội đồng phản biện cơ bản thống nhất với nội dung của Báo cáo nghiên cứu phục vụ phản biện do Liên hiệp hội chuẩn bị. Từ phân tích sự cần thiết của Đề án, một số ý kiến tại Hội thảo đề nghị Liên hiệp hội, Hội đồng phản biện kiến nghị UBND tỉnh xem xét nên hay không nên thực hiện Đề án này. Đề nghị xác định đúng tên Đề án phù hợp các quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xác định lại phạm vi của Đề án cho phù hợp, khả thi.

Sau Hội thảo, Liên hiệp hội hoàn thiện Báo cáo phản biện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tiếp thu và hoàn thiện Đề án theo quy định./.

NHỮNG VẤN ĐỀ, NỘI DUNG CẦN QUAN TÂM ĐỂ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY GAI XANH

KS. Nguyễn Xuân Sang

Chủ tịch

Hội Giống cây trồng và Vật tư nông nghiệp Thanh Hoá

Cây gai xanh Rami (Boehmeria nivea tenacissima (L.) Gaud.) là cây trồng đã có từ lâu tại Việt Nam; cây thân thảo nhiều năm, đứng thẳng, cao từ 1 đến hơn 2m, hóa gỗ ở gốc, có rễ dạng củ đã được nhân dân ta trồng, sử dụng, chế biến ra nhiều sản phẩm được yêu thích ở nhiều vùng miền với tên gọi khác nhau, ví dụ: Người Kinh gọi là cây gai làm bánh, gai tuyết;

người Tày gọi là trừ ma, bầu pán; người Thái gọi là cọ pán; người Dao gọi là chiều đu... Trong thời đại công nghiệp, cây gai xanh được biết đến với những sản phẩm như: Thuốc nam, tinh dầu, nguyên liệu giấy, bông sợi tự nhiên có giá trị cao; đồng thời phế phụ phẩm cây gai còn được sử dụng nhiều mục đích, tạo môi trường sinh thái tốt, phù hợp với xu hướng phát triển mới..

NHỮNG ĐIỀU CHÚ TRỌNG KHI TRỒNG TRỘT, PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY GAI XANH

*** Đặc tính sinh lý cây gai và điều kiện môi trường**

Cây gai là loại cây rễ sâu, thân và hệ rễ dưới đất rộng, nên chất lượng toàn bộ đất có ảnh hưởng trực tiếp tới sự sinh trưởng phát triển và tuổi thọ của cây, vì vậy, nhất định phải đào sâu toàn

KHOA HỌC THANH HÓA

bộ đất, làm tơi đất, cải thiện kết cấu đất, trồng dày thêm nhiều tầng. Với đất trồng quá dính, nên trộn thêm cát hoặc phân tro để cải thiện kết cấu. Với đất đồi núi, thông thường trước khi trồng cây gai nên đào sâu khoảng 1m, xới đất bên dưới lên, lật đất bên trên xuống, trồng dày thêm nhiều tầng, xới tung các miếng đất, loại bỏ cỏ, sỏi đá, làm kênh tiêu thoát nước, nối liền các thửa lại với nhau thành khoảng lớn, căn cứ vào địa hình địa thế mở rộng hợp lý, sau đó trồng cây gai. Ở khu đất bằng phẳng, đất màu mỡ, nhưng vị trí nước ngầm cao, điều kiện thoát nước kém, nên sau khi làm tung các miếng đất lên, nên mở rộng trồng cây gai, rãnh thoát nước ở 4 phía, để phòng nước tù, úng.

Sau khi cây phát triển tốt trong vườn ươm thì cần đưa ra trồng đại trà. Cây gai có thể trồng ở đồng bằng, trên đất sét pha cát (nơi trồng lúa không hiệu quả bằng trồng cây gai) hoặc trồng trên bãi bồi nơi không bị úng ngập hoặc má bờ đê chắn lũ (vì rễ cây gai ken chặt chống sạt lở đê kè). Tóm lại để cây gai sinh trưởng phát

triển tốt cần trồng ở nơi đất ẩm, không úng ngập nước, không có sương giá, gió nóng khô...

Ở vùng đồi núi do địa thế, địa hình khác nhau nên khí hậu, thổ nhưỡng cũng thay đổi khá lớn, nên lựa chọn đất tương đối bằng ở chân đồi, núi, độ dốc thấp, ruộng bậc thang nằm dưới thâm rừng gỗ, luồng, nứa, giang để trồng cây gai; hướng dốc về phía Nam hoặc Đông Nam là tốt nhất, có thể ngược hướng gió, hướng về phía mặt trời, mùa xuân đất ẩm lên nhanh, có lợi cho việc mọc mầm sinh trưởng cây gai, nhưng nhiệt độ giữa ngày và đêm có sự khác biệt lớn, cần phòng tránh. Thông thường độ dốc quá lớn, đất dễ bị rửa trôi sẽ cần cỗi, vì vậy nên chọn đất có độ dốc trong khoảng 10 độ, lượng đất màu ít bị trôi rửa, tầng đất tương đối sâu, có lợi cho sự sinh trưởng phát triển của cây gai.

Đất đồng bằng địa hình bằng phẳng, tầng đất dày tương đối màu mỡ, dễ cho việc trồng cây gai, nhưng điều kiện thông gió, ánh nắng chiếu sáng và thoát nước không bằng vùng đồi

núi, bởi thế, cần lựa chọn đất có địa thế tương đối cao và vị trí nước ngầm tương đối thấp để trồng cây gai; đặc biệt là phải làm rãnh sâu thoát nước, tránh đọng nước dễ làm chết cây hàng loạt. Bản chất của cây gai là cây "hơi ưa bóng râm", nhưng không thể sống và phát triển dưới tán rừng rậm. Vì vậy ta có thể trồng cây gai xen với cây công nghiệp khác trên nương rẫy. Phương pháp trồng xen này là xen từng vạt với nhau.

Thông thường cây gai không quá kén chọn thổ nhưỡng nhưng tính chất vật lý và độ màu mỡ của đất cũng có ảnh hưởng nhất định với sự sinh trưởng và phát triển của cây gai. Trồng cây gai ở đất quá dính, hệ rễ sinh trưởng sẽ chịu ảnh hưởng, nhất là khi đất bị trữ nước, gốc cây gai sinh trưởng chậm chạp, lá gai biến thành màu vàng, gốc dễ bị thoái hóa sớm. Đất có quá nhiều đá sỏi hoặc đất cát bị cằn, do kết cấu thổ nhưỡng kém, chất hữu cơ ít, độ đạm thấp, không thể giữ nước, giữ đạm, hệ rễ không phát triển, sinh trưởng không tốt, ảnh hưởng đến sản lượng. Thông thường



Vùng trồng cây gia xanh ở huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

trồng gai ở thổ nhưỡng màu mỡ có lớp đất dày trên 75 cm là tốt nhất.

Tóm lại, trong vấn đề chọn đất trồng gai nên căn cứ vào đặc điểm từng loại đất, chọn đất tương đối màu mỡ, tiêu nước tốt, chống gió, đón nắng mặt trời, độ dốc nhỏ hoặc đất rộng nối liền tập trung giữa núi hoặc giữa đồi để trồng cây gai là tốt nhất.

*** Kỹ thuật trồng trọt**

Thời vụ

Thời vụ trồng rất quan trọng đến tỷ lệ sống của cây gai con. Tùy từng địa phương nên chọn thời vụ trồng cây gai vào đầu mùa mưa; không nên trồng vào mùa khô hạn; đặc biệt ở miền Tây Thanh Hóa nên tránh trồng vào mùa khô

nóng. Trong trường hợp đã trồng cây mà có gió nóng khô thường xuyên thì cần bổ trí máy tưới phun nước để tăng độ ẩm cho cây khỏi chết vì thiếu nước.

Kỹ thuật trồng trọt

Làm đất: Đất trồng cây gai trên bãi bồi phù sa có pH = 6 - 7 hoặc đất đồi núi ở những chân ruộng bậc thang, có pH = 5 - 5,5. Phần thân ngầm của cây gai bò lan ra dưới mặt đất. Rễ từ gốc đầu tiên đâm ra (gọi là rễ cấp 1 cấp 2). Rễ từ thân ngầm đâm vào đất (gọi là rễ cấp 3). Rễ cấp 1 có khi đâm sâu vào đất 1 - 2 m. Do vậy trước khi trồng cần xới xáo vài lần cho đất tơi xốp.

Cây gai rất cần độ ẩm của đất nhưng bị chết nhanh chóng khi đất ngập nước. Do

vậy ở trên ruộng bậc thang ở đồi núi hay ruộng, bãi ven sông và đồng bằng cần bố trí tiêu thoát nước tốt, không để đất bị úng ngập nước.

Lên luống: Bề mặt luống rộng 50 - 60 cm, cao 10 - 15 cm, giữa hai luống cách nhau 40 - 50 cm làm lối đi và nơi cung cấp nước, chú ý bón phân sau khi trồng. Đối với ruộng bậc thang trên đất dốc thì luống nên bố trí theo đường đồng mức của ruộng bậc thang. Đối với đất đồng bãi thì luống nên bố trí song song với dòng sông.

Cuốc hố: Sau khi lên luống thì tiến hành cuốc hố để chuẩn bị đưa cây vườn ươm ra trồng. Hố sâu 10 - 15 cm, rộng 20 x 20 cm. Hố cách hố là 25 cm. Hố được bón lót bằng 1/2 kg phân chuồng có trộn với 50 g bào tử nấm từ 2 loại thuốc Biobauve 5DP và Vimetarzim 95DP để trừ ấu trùng cánh cứng, rệp sáp và mối ăn cây sống. Dùng cuốc xới trộn đều thuốc với phân bón lót và lấp một lớp đất mỏng trên mặt hố.

Trồng cây: Khi cây con trong vườn ươm đã cao 15 - 20 cm thì có thể đem ra trồng trên những thửa đất

KHOA HỌC THANH HÓA

đã chuẩn bị trước. Mỗi hố trồng 2 cây để phòng năm thứ 3 - năm thu hoạch lớn có nhiều cây bị thối gốc phải loại bỏ bớt cây. Khi đã trồng xong cần lấp một lớp đất mỏng ngay miệng bầu ươm. Nếu bầu ươm là nilon không hủy thông thường bán trên thị trường thì cần dùng dao nhỏ rạch bỏ vỏ bầu trước khi trồng. Nếu dùng vỏ bầu là nilon tự hủy thì có thể đưa cả bầu xuống hố. Sau vài ba tháng khi rễ phát triển, vỏ bầu tự phân hủy, cho rễ phát triển ra ngoài vỏ bầu.

Chăm sóc, bón phân:

Cây gai xanh là cây trồng để lấy tơ từ vỏ để phục vụ ngành dệt may. Vì vậy cây càng dài, càng cao thì sản lượng càng lớn và xơ bông sau này càng dài. Vì vậy ngay khi ở vườn ươm hay khi mới trồng ra nơi sản xuất ta có thể phun một lượng kích thích tăng trưởng. Dùng Gibberellin pha vào cồn rồi cho tan vào nước lã với nồng độ 10 ppm để phun vào đỉnh cây gai. Làm như vậy cây gai có thể tăng trưởng hơn 10 - 15%. Phân vi sinh dùng bón cho cây gai thường dùng với hàm lượng axit humic từ

1,5 - 2%), kết hợp với N.P.K (2.3.5). Vi sinh ở đây dùng nấm cộng sinh cho cây gai là Mycorrhiza, loại nấm cố định đạm cho cây gai. Ngoài ra còn dùng các nấm phân giải xenlulo, phân giải oxit photpho có trong đất.

Chất dinh dưỡng chủ yếu cây gai cần thiết là nitơ, photpho, kali, là cơ sở để cây gai sinh trưởng và phát triển tốt. Vào giai đoạn giữa và cuối quá trình sinh trưởng của cây gai, nên rắc lên mặt lá tro đốt từ cỏ là một trong những biện pháp quan trọng để tăng sản lượng. Lượng dinh dưỡng hấp thụ được trong ba mùa mỗi năm của mỗi hecta cây gai thường khoảng: 220 kg đạm Urê, lân Văn Điển 41 kg, kali 129 kg (cần kiểm tra, đánh giá chất đất cụ thể để bón phân hợp lý, đạt hiệu quả cao).

Sau khi thu hoạch cần bón phân bổ sung. Phân bón có thể hòa vào nước rồi tưới đều trên bề mặt luống. Không nên cuốc xới nhiều vì rễ phụ và thân ngầm đã ken dày khắp mặt luống. Kiểm soát những cây bị nấm cỏ rễ phá hoại thì phải nhổ bỏ, xử lý thuốc thối cỏ rễ ngay.

Phòng trừ sâu, bệnh:

Lá gai là loại lá thịt không có độc nên là thức ăn cho rất nhiều loại côn trùng ăn lá. Mức độ hại của từng loại côn trùng ở những vùng khác nhau không giống nhau. Một số sâu hại cây gai sau: Sâu róm đen, Sâu bướm giáp vàng, Sâu bướm giáp đỏ, Sâu khoang. Sâu cuốn lá. Cào cào nhỏ, Châu chấu nhỏ, Sùng nâu đen ăn rễ cây gai, Kim quy hai chấm ăn lá. Rầy xanh đuôi đen, Rầy bông, Mối đất. Ngoài ra ở một số địa phương còn gặp một số sâu hại khác trên cây gai.

Cây gai là cây rất dễ bị sâu hại phát triển. Do vậy để đảm bảo an toàn cho cây gai thì người trồng gai phải chuẩn bị trước thuốc sinh học và các thiết bị phòng trừ sâu bệnh. Với côn trùng ăn rễ hoặc có giai đoạn nằm nghỉ đông dưới gốc cây có thể trừ bằng thuốc Biobauve 5DP hoặc các thuốc có tác dụng tương tự.

Năng suất, sản lượng: Năng suất thân gai tươi thường 40 - 60 tấn/ha, cho 1.000 - 1.600 kg sợi khô và 500 - 1.200 kg sợi đã loại chất keo. Ở Philippin thu

được 2.000 kg sợi khô/ha trong năm đầu và 3.500 kg sợi khô trong các năm tiếp theo. Các diện tích gai ở nhiều nước thường sau 7 - 20 năm mới phải phá đi để trồng lại. Gai trồng để làm thức ăn gia súc, năng suất lá có thể đến 300 tấn tươi hay 42 tấn khô với 14 lần cắt trong 1 năm. Năng suất phụ thuộc nhiều vào tính chất thổ nhưỡng, tiêu khí hậu, giống và cách chăm sóc, thu hoạch.

Thu hoạch, chế biến: Thu hoạch gai lấy sợi cần cách xa thời gian ra hoa kết trái. Vì thời gian này chất dinh dưỡng tập trung vào hoa quả nên hàm lượng xenlulo trong sợi gai rất kém. Sau khi cây đưa từ vườn ươm ra trồng

vùng nguyên liệu chừng 40 ngày quan sát cây gai đã phát triển, thân đã mập và thẳng, quan sát gốc gai có biến đổi màu thì thu hoạch đợt 1. Sau 30 ngày nếu thời tiết thuận lợi thì có thể thu hoạch đợt 2, đợt 3, đợt 4 cũng tương tự như vậy. Thời gian sinh trưởng nhanh hay chậm là do chế độ nhiệt và độ ẩm của đất. Khi thấy thân và gốc cây hơi chuyển màu sang màu xanh nâu đậm là cây đã đủ trưởng thành và lượng vỏ đã dày tới ngưỡng thì có thể tiến hành thu hoạch, cắt chặt sát gốc đồng loạt toàn bộ bằng công cụ, máy móc, đem nhập bán cho Nhà máy hoặc thu hoạch, sơ chế với quy mô gia đình theo phương thức truyền thống.



Người nông dân thu hoạch cây gai xanh

Có thể nói, cây gai xanh là cây trồng có tính bản địa, dễ trồng trọt, chi phí đầu tư không lớn nhưng thu hoạch được nhiều năm, hầu như các bộ phận cây trồng này đều có giá trị cao, như: Vỏ lụa làm bông, sợi tự nhiên rất giá trị. Lõi cây là nguyên liệu tốt để sản xuất nấm ăn, làm bao bì giấy. Rễ cây làm dược liệu, thuốc cầm máu, kháng viêm và chữa trị bệnh. Lá cây làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, sản xuất bánh, kẹo được ưa thích. Nhưng để thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu cây gai của Thanh Hoá đến năm 2025 đạt 6.457 ha, năng suất bình quân 110 tấn gai tươi/ha/năm, tổng sản lượng 700.000 tấn gai tươi/năm, đáp ứng nguyên liệu cho nhà máy chế biến thì ngoài cơ chế, chính sách cần thiết phải quan tâm đến công tác tuyên truyền, chuyển giao KHCN tốt hơn nữa; trong đó một trong những điều kiện quan trọng nhất, trước nhất là phải giúp nông dân vùng nguyên liệu hiểu biết về đặc tính sinh lý, kỹ thuật trồng trọt để đầu tư, thâm canh, nâng cao năng suất, sản lượng cây gai, đạt hiệu quả kinh tế cao và bền vững./.

Giải pháp phục hồi và phát triển
DU LỊCH THANH HOÁ
SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

Vương Thị Hải Yến

Phó Giám đốc

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Ngày 11/3/2022, UBND tỉnh Thanh Hoá đã tổ chức Lễ công bố biểu trưng du lịch, phát động Chương trình kích cầu du lịch năm 2022 và đón khách du lịch quốc tế đến Thanh Hoá. Đây được xem là sự kiện mở màn cho chuỗi các sự kiện tiêu biểu diễn ra trên địa bàn tỉnh trong năm 2022, đánh dấu sự trở lại của ngành du lịch Thanh Hoá trong trạng thái bình thường mới với mong muốn sớm đưa du lịch phục hồi và phát triển trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Trong hơn hai năm qua, do tác động của đại dịch COVID-19, du lịch Việt



Bãi biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nam nói chung và Thanh Hoá nói riêng phải đối mặt với những khó khăn chưa từng có. Trước làn sóng mở cửa du lịch, phục hồi kinh tế trên toàn cầu, từ ngày 15/3/2022, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đồng ý với đề xuất mở cửa lại hoạt động du lịch trên toàn quốc đã tạo ra cơ hội và thời điểm vàng để ngành du lịch Việt Nam đón đầu xu hướng mới. Trong bối cảnh đó, cũng như nhiều địa phương trong cả nước, ngành du lịch Thanh Hoá đã xác định được những thuận lợi, khó

khăn để tìm ra hướng đi, giải pháp cho sự phát triển du lịch của tỉnh phù hợp với tình hình mới.

Từ những thuận lợi...

Trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, Chính phủ Việt Nam đã có những chỉ đạo quyết liệt, dần kiểm soát dịch COVID-19. Với chương trình tiêm chủng quốc gia có quy mô lớn đã và đang được triển khai, đến thời điểm hiện tại, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có độ bao phủ vắc xin lớn nhất, trở thành điểm đến an toàn, tin cậy của khách du lịch quốc tế. Nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước tự tin, quyết liệt, đẩy mạnh các hoạt động khởi động, mở cửa đón khách du lịch, trong đó Thanh Hóa là một trong những tỉnh đầu tiên tổ chức kích cầu du lịch, đón khách quốc tế đến Thanh Hóa. Sự khởi động mạnh mẽ này đã kích thích nhu cầu đi du lịch sau thời gian dài “ngủ đông”, tạo ra hiệu ứng tích cực cho ngành du lịch phục hồi và phát triển.

Bên cạnh đó, Chính phủ và các cấp, các ngành đã ban hành, áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho doanh nghiệp, người lao động trong ngành du lịch; nhiều chính sách hỗ

trợ phục hồi và phát triển du lịch trong bối cảnh mới được triển khai; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Đặc biệt, việc tiếp tục miễn thị thực cho công dân 13 nước vào Việt Nam; gỡ bỏ hạn chế về tần suất khai thác với các chuyến bay quốc tế từ ngày 15/02/2022 là điều kiện tiên quyết mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp du lịch mau chóng tái khởi động, lên kế hoạch, phương án phát động thị trường, tìm kiếm đối tác, sẵn sàng điều kiện phục hồi và phát triển trong giai đoạn bình thường mới.

Nhiều địa phương, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh đã tranh thủ thời gian ngừng hoạt động do dịch bệnh để tái đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, cơ cấu lại bộ máy, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực để sẵn sàng cho việc mở cửa trở lại.

...và những khó khăn

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi trên, ngành du lịch nói chung và du lịch Thanh Hóa nói riêng vẫn đang gặp những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình mở cửa trở lại, đó là: thiếu sự hướng dẫn đồng bộ, thống nhất về chuyên môn trong việc giám sát, xử lý các

trường hợp rủi ro trong hoạt động du lịch; đứt gãy chuỗi dịch vụ cung ứng trong hoạt động du lịch; nguồn nhân lực du lịch bị thiếu hụt trầm trọng cả về số lượng và chất lượng; xu hướng, nhu cầu, thị hiếu đi du lịch của người dân cũng có nhiều thay đổi sau đại dịch COVID-19; các tỉnh/thành phố trong cả nước đồng loạt tập trung nâng cao sức hấp dẫn và cạnh tranh trong thời điểm mở cửa đón khách trở lại cũng là một trong những khó khăn, thách thức đối với ngành du lịch Thanh Hóa.

Các giải pháp phục hồi, phát triển

Trước những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, để du lịch Thanh Hoá mở cửa trở lại đảm bảo an toàn, thích ứng hiệu quả, phục hồi và phát triển trong giai đoạn bình thường mới, với mục tiêu đón trên 10 triệu lượt khách, trong đó có hơn 440.000 lượt khách du lịch quốc tế, ngành du lịch Thanh Hóa đã, đang và tiếp tục tập trung vào các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, tiếp tục duy trì thích ứng linh hoạt, an toàn: ưu tiên hàng đầu là việc bảo đảm các điều kiện an toàn điểm đến và an toàn cho du khách; thực hiện tốt

KHOA HỌC THANH HÓA

công tác hướng dẫn kiểm tra và công nhận các khu, điểm du lịch, các đơn vị kinh doanh du lịch đảm bảo an toàn phòng chống dịch; xây dựng phương án xử lý đối với trường hợp rủi ro trong quá trình triển khai mở cửa hoạt động du lịch.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch mới: Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư tổ hợp du lịch nhằm hình thành các sản phẩm du lịch cao cấp có tính cạnh tranh cao, thu hút khách du lịch. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có thể mạnh, đặc trưng của tỉnh, gắn với xây dựng sản phẩm du lịch mới, đáp ứng được xu hướng mới của thị trường. Đặc biệt chú trọng khai thác giá trị văn hóa, truyền thống vào sản phẩm du lịch. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để tổ chức đa dạng các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch nhằm thu hút khách du lịch đến Thanh Hóa.

Thứ ba, tập trung đẩy mạnh hoạt động kích cầu, phục hồi du lịch như tiếp tục tổ chức các sự kiện kích cầu tại các thị trường du lịch trọng điểm; khuyến khích, hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch chung tay, hưởng ứng, phối hợp hình thành liên minh kích cầu du lịch, đảm

bảo tiêu chí an toàn, hấp dẫn du khách. Đồng thời, tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; đẩy mạnh chiến dịch truyền thông với thông điệp “Du lịch Thanh Hoá - Hương sắc bốn mùa” và “Du lịch Thanh Hóa, điểm đến an toàn, hấp dẫn” trên các kênh truyền hình Trung ương, địa phương, trên website và nền tảng số. Tổ chức và tham gia tổ chức nhiều sự kiện xúc tiến tuyên truyền, giới thiệu du lịch Thanh Hóa bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; sản xuất các ấn phẩm, vật phẩm truyền thông hình ảnh, thông điệp du lịch Thanh Hoá. Tăng cường liên kết phát triển du lịch với các địa phương và du lịch trong cả nước và các doanh nghiệp.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phục hồi, phát triển du lịch. Đầu tư đào tạo, đào tạo lại lao động nghề phục vụ hoạt động kinh doanh lưu trú, lễ hành, hướng dẫn viên, xúc tiến quảng bá du lịch, tiếp tục đẩy mạnh tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng là quản lý doanh nghiệp và lao động du lịch cộng đồng nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp đảm bảo nguồn nhân lực thiếu hụt sau dịch bệnh COVID-19; định

hướng cho doanh nghiệp du lịch có chính sách thu hút và giữ nhân lực chất lượng cao. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và kinh doanh nhằm giảm tải về nguồn nhân lực.

Thứ năm, tích cực triển khai Chương trình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển du lịch. Tiếp tục triển khai các sản phẩm thực tế ảo, thực tế tăng cường tại các khu, điểm du lịch; khẩn trương hoàn thiện dự án Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông tin trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa; nghiên cứu cập nhật, số hóa dữ liệu du lịch Thanh Hóa. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong đăng ký điểm đến, dịch vụ an toàn trên bản đồ ứng dụng “Du lịch Việt Nam an toàn”; chào và bán dịch vụ online, thanh toán trực tuyến...

Với việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên, ngành du lịch Thanh Hoá kỳ vọng sẽ đạt được mục tiêu đề ra; mở cửa trở lại hoạt động du lịch đảm bảo an toàn, thích ứng, hiệu quả, phục hồi và phát triển trong giai đoạn bình thường mới./.

LÊ VĂN HUU - NHÀ SỬ HỌC, NHÀ VĂN HÓA LỚN CỦA DÂN TỘC

PGS.TS. Hoàng Thanh Hải

Phó Chủ tịch

Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa

Thanh Hoá không chỉ tự hào là vùng đất “địa linh, nhân kiệt”, sản sinh ra nhiều đời vua, chúa, nhiều anh hùng dân tộc, mà còn là vùng văn hóa đặc sắc, phong phú, trong đó nổi bật là truyền thống hiếu học và khoa bảng. Trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm, truyền thống đó có những lúc suy, lúc thịnh, nhưng thời nào cũng sản sinh ra những vị đại khoa, nhà văn hóa lớn làm rạng danh nền văn hiến nước nhà.

Ngay từ khi nền Nho học của nước ta chưa bắt đầu, thời thuộc Đường (618 - 905), hai anh em Khương Công Phục và Khương Công Phụ, người thôn Cẩm Châu, xã Tường Vân (nay là làng Tường Vân, xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) đã sang tận Trung Quốc

dự thi và đều đỗ Tiến sĩ. “Đây chính là hai người đã có công khai mạch đại khoa Nho học đầu tiên cho cả nước ta, người đầu tiên đạt học vị Tiến sĩ Hán học”⁽¹⁾.

Sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, đất nước ta bước vào kỷ nguyên phong kiến độc lập, tự chủ. Các triều đại Ngô (939 - 987), Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009) phải chăm lo chính đôn nội bộ và gây dựng cơ nghiệp, đồng thời sự tồn tại của các triều đại này quá ngắn ngủi nên không đủ thời gian để tổ chức giáo dục và khoa cử.

Sang thời Lý - Trần, việc học hành, thi cử đã có luật lệ rõ ràng, tổ chức quy củ và mở rộng hơn trong toàn xã hội, vì thế đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước. Thanh Hóa lúc này đã nổi

lên như một trung tâm học hành, khoa bảng tiêu biểu, có rất nhiều người đỗ đạt cao. Người nổi tiếng nhất cho việc học hành, thi cử thời Trần ở xứ Thanh là Lê Văn Hưu.

Lê Văn Hưu sinh năm Canh Dần (1230), niên hiệu Kiến Trung thứ 5 đời vua Trần Thái Tông, mất ngày 23 tháng 3 năm Nhâm Tuất (1322), niên hiệu Đại Khánh thứ 9 đời vua Trần Minh Tông, hưởng thọ 93 tuổi. Ông người làng Thần Hậu (tức Phủ Lý Nam), nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Xưa kia, đây chính là Kẻ Rị, tức giáp Bối Lý dưới thời Lý - Trần, sau đổi thành Phủ Lý vào đời Lê và đến thời Nguyễn thì chia làm 3 làng: Phủ Lý Nam, Phủ Lý Trung, Phủ Lý Bắc. Từ thời Tiền

KHOA HỌC THANH HÓA

Lê, Kẻ Rị đã là một trung tâm văn hóa, chính trị hoạt động khá sôi động, đặc biệt là Phật giáo. Thời Trần, Lê Văn Hưu thuộc dòng họ Lê Kẻ Rị mà cuốn Gia phả có tên là Lê Thị Gia phả⁽²⁾ cho biết: Lê Văn Hưu thuộc đời thứ 7 do khởi thủy của dòng họ Lê là Trần quốc bộc xạ Lê Lương. Gia phả chép như sau: “Thế tổ đời thứ 7 đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh triều Trần, trải làm quan đến chức Hàn lâm viện thị độc, Binh bộ Thượng thư kiêm Chương sử, tước Uyên Nhân hầu, hiệu Tu Hiền, soạn Đại Việt sử ký”. Trong Bản xã tiên hiền ghi danh sách các bậc tiên hiền được dân Kẻ Rị thờ chung, Lê Văn Hưu được xếp thứ 2 và ghi là: “Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh, Hàn lâm viện thị độc, Chương sử quan tu Đại Việt sử ký, Binh

bộ Thượng thư, Nhân Uyên hầu, Lê Tương công”. Các tài liệu đó đều thống nhất tóm tắt thân thế sự nghiệp của Nhà sử học Lê Văn Hưu. Khi mất (1322), Lê Văn Hưu được táng ở xứ Mã Giòm, thuộc địa phận thôn Phú Lý Nam (nay là xã Thiệu Trung) quê nhà.

Tương truyền từ nhỏ, Lê Văn Hưu đã là một thần đồng thông tuệ chữ nghĩa và có tài đối đáp. Lớn lên, cậu bé Lê Văn Hưu được học với một thầy đồ họ Nguyễn ở làng Phúc Triền, Kẻ Bôn (nay là xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn). Các sách Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt lịch triều đăng khoa lục đều chép: Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn khoa Đinh Mùi (1247) dưới triều Trần Thái Tông. Đây là khoa thi đầu tiên lấy tam khôi: Trạng nguyên Nguyễn Hiền (13

tuổi), Bảng nhãn Lê Văn Hưu (17 tuổi) và Trịnh Ma La (14 tuổi), cho thấy khoa bảng nước nhà ngày càng hoàn chỉnh. Với học vị Bảng nhãn, Lê Văn Hưu là vị tiến sĩ đầu tiên khai khoa cho truyền thống học hành thi cử của người xứ Thanh. Sách An Nam chí lược của Lê Tắc còn cho biết: “Lê Hưu (tức Lê Văn Hưu) vừa có tài, vừa có hạnh, làm thầy Chiêu Minh Vương, đổi làm Kiểm pháp quan, sửa sách Việt chí”⁽³⁾. Trải các triều Trần Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Lê Văn Hưu đã được giao nhiều trọng trách trong triều. Năm 24 tuổi giữ chức Hàn lâm viện thị độc; năm 45 tuổi làm Binh bộ Thượng thư; năm 50 tuổi sung chức Hàn lâm viện học sĩ, kiêm Quốc sử viện giám tu. Năm 1272, Lê Văn Hưu vâng sắc hoàn thành bộ Đại Việt sử ký gồm 30 quyển, chép từ đời Triệu Vũ đế (207 - 136 TCN) đến Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225) và dâng lên Trần Thánh Tông năm 1272, được vua xuống chiếu khen ngợi.

Cuộc đời và sự nghiệp của nhà sử học, nhà văn hóa lớn Lê Văn Hưu thực sự là tấm gương sáng chói trong nền văn hiến nước nhà. Những giá trị di sản của Lê Văn Hưu mà ngày nay chúng ta



Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

cần kế thừa, phát huy, tập trung ở ba mặt chủ yếu sau:

Thứ nhất, ông là người mở đầu cho “đội ngũ các nhà khoa bảng - Tiến sĩ xứ Thanh” thời phong kiến thi trên đất Việt. 17 tuổi, Lê Văn Hưu đã đậu thứ hai trong Tam Khôi (Bảng nhãn). Tấm gương thông minh, ham học, tự học của ông đã được truyền lại nhiều đời nay, qua câu đối giai thoại: “Giấy trong túi, bút trong túi. Mực trong túi, viết lúi húi mà đậu Khôi nguyên”.

Thứ hai, công lao và thành tựu lao động khoa học miệt mài, sáng tạo lớn nhất của Lê Văn Hưu là đã hoàn thành biên soạn bộ Đại Việt sử ký, dâng lên vua Trần năm Thiệu Long thứ 15. Xung quanh giá trị của bộ Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu, từ xưa đến nay không ít các nhà sử học kế tiếp hết lời khen ngợi. Rất tiếc nguyên tác của tác phẩm đã không còn nữa, nhưng 30 lời bàn của ông được trân trọng giữ lại trong Đại Việt sử ký toàn thư là một di sản vô giá của dân tộc. Tài năng và cống hiến cho sử học của ông xứng đáng như nhà sử học Ngô Sĩ Liên từng tôn vinh: “Lê Văn Hưu là đại thủ bút đời Trần” và “là nhà chép sử giỏi”. Giáo sư Phan Huy Lê cũng đã khẳng định: “Trong lịch sử phát triển của

nền Sử học Việt Nam, Đại Việt sử ký giữ vị trí bộ quốc sử đầu tiên”⁽⁴⁾. Ông xứng đáng được tôn vinh là “ông tổ của nền sử học Việt Nam”.

Thứ ba, Lê Văn Hưu đã nêu tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, niềm tự tôn dân tộc. 30 lời bàn sử của ông mà sau này được Đại Việt sử ký toàn thư chép lại thể hiện tư tưởng, tình cảm của ông, tuy còn hạn chế bởi quan điểm lập trường Nho giáo, song sáng ngời tinh thần dân tộc, tự cường, tinh thần dũng cảm đấu tranh chống cái xấu, tư tưởng “thân dân” sâu sắc.

Nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị di sản lịch sử - văn hóa về Lê Văn Hưu, góp phần quảng bá rộng rãi những hình ảnh tốt đẹp của đất và người xứ Thanh trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong những ngày này, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhân kỷ niệm 700 năm ngày mất của ông (1322 - 2022), Thanh Hóa đã và đang sôi nổi tiến hành nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực, như:

Khánh thành Đền thờ tại khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa.

Huyện ủy Thiệu Hóa đã phát động và tổ chức cuộc

thi “Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp Nhà sử học Lê Văn Hưu” với hình thức thi tự luận, nhằm giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu biết thêm về cuộc đời, thân thế, sự nghiệp và những đóng góp quan trọng của nhà sử học đầu tiên của nước ta, người đặt nền móng cho quốc sử Việt Nam, tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ, khơi dậy niềm tự hào quê hương, đất nước, củng cố niềm tin, ý thức, trách nhiệm của đảng viên và Nhân dân. Cuộc thi diễn ra từ ngày 12/01 đến ngày 20/3/2022. Theo thống kê nhanh của Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thiệu Hóa, một số đơn vị có số lượng bài dự thi lớn, như: Trường THPT Thiệu Hóa với 1.779 bài dự thi, Trường THPT Lê Văn Hưu với 1.585 bài dự thi, xã Thiệu Vận với 505 bài dự thi, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thiệu Hóa với 389 bài dự thi, xã Thiệu Ngọc với 310 bài dự thi, xã Thiệu Trung với 136 bài dự thi... Kết thúc vòng sơ khảo, Ban Tổ chức cuộc thi đã tuyển chọn được hơn 1.000 bài dự thi chất lượng cao để chấm chung khảo.

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phối hợp với UBND tỉnh Thanh Hóa tích cực



Lễ kỷ niệm 700 ngày mất của nhà sử học Lê Văn Hưu

chuẩn bị cho Hội thảo khoa học quốc gia về nhà sử học Lê Văn Hưu, với sự tham gia của đông đảo các nhà nghiên cứu, nhà văn hóa, nhà quản lý khắp cả nước. Hơn 40 báo cáo khoa học đã được gửi về Ban Tổ chức Hội thảo. Như vậy, hơn 30 năm, kể từ cuộc hội thảo lần thứ nhất về nhà sử học Lê Văn Hưu, do trường Cao đẳng sư phạm Thanh Hóa (nay là Trường Đại học Hồng Đức) chủ trì, tổ chức trong các ngày 26 - 27/12/1990, giới sử học Việt Nam nói riêng và đông đảo các nhà nghiên cứu, các tầng lớp nhân dân Thanh Hóa và cả nước nói chung lại có dịp nghiên cứu, đánh giá rõ hơn, toàn diện hơn về quê hương, thân thế, sự nghiệp của Lê Văn Hưu.

Là một tổ chức xã hội nghề nghiệp, thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và

Kỹ thuật Thanh Hóa và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, đến nay, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa có 14 hội, chi hội trực thuộc, trong đó, có các chi hội thuộc các cơ quan nghiên cứu, đào tạo lịch sử - văn hóa hàng đầu của Thanh Hóa, đã kết hợp được công tác khoa học của Hội với công tác chuyên môn của các đơn vị, nhiệm vụ chính trị của các địa phương. Nhiều hội viên có thâm niên, kinh nghiệm trong nghiên cứu, biên soạn các sách về lịch sử, văn hóa Thanh Hóa, như địa chí các huyện, lịch sử Đảng bộ, lịch sử các huyện, xã... Trong những năm qua, nhất là từ sau Đại hội nhiệm kỳ IV (2017 - 2022), được sự chỉ đạo, quan tâm của lãnh đạo tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, Hội Khoa học Lịch sử

Việt Nam, luôn bám sát các sự kiện lịch sử trọng đại của quê hương, đất nước, Khoa học Lịch sử Thanh Hóa đã có nhiều hoạt động khoa học sôi nổi, hiệu quả, như chủ trì tổ chức các hội thảo khoa học, biên soạn, xuất bản các tập sách nhằm quảng bá giá trị di sản lịch sử văn hóa, đất và người xứ Thanh, tiêu biểu là 24 tập sách “Thanh Hóa xưa và nay”; tham vấn cho công tác xếp hạng bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa của quê hương, trong đó có khu di tích quốc gia Đền thờ Lê Văn Hưu, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền sử học nước nhà, xứng đáng với truyền thống khoa bảng, truyền thống lịch sử - văn hóa của xứ Thanh./.

Chú thích:

(1). Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí. Nxb Giáo dục, Hà Nội.2007

(2). Xem Nguyễn Kha, Trần Huy Bá, Phát hiện những tài liệu liên quan đến sử gia Lê Văn Hưu, Nghiên cứu lịch sử - Số 62, 1964, tr.64.

(3). Lê Tấn, An Nam chí lược, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2001, tr.273.

(4). Phan Huy Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tác giả - Văn bản - Tác phẩm, trong Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tập I, tr.19.

PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA XỨ THANH GẮN VỚI TRUYỀN THUYẾT NGƯỜI VIỆT VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Nguyễn Thị Quế

*Trung tâm Nghiên cứu phát triển vùng**

Là đất thang mộc, quý hương, Thanh Hóa trở thành cái nôi của nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật. Những di sản quý báu ấy là chứng nhân lịch sử đã trao truyền tri thức cho bao thế hệ con cháu. Không phải ngẫu nhiên mà các di tích, đền đài được dựng lên; phần lớn sự xuất hiện thiêng liêng ấy đều có những lý do đặc biệt thường gắn với thể loại truyền thuyết, với danh nhân lịch sử, sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Tiếp cận truyền thuyết qua các di sản văn hóa là nuôi dưỡng nó với bản chất vốn có. Ngày nay, khoa học kỹ thuật hiện đại với thông tin bùng nổ, mọi người không cần đi nhiều cũng biết đến các di sản. Tuy vậy, trước

ảnh hưởng của xu hướng toàn cầu hóa cùng với tâm lý “Bụt chùa nhà không thiêng”, “Cha chung không ai khóc”, sự thờ ơ với văn hóa cổ truyền... đã khiến cho nhiều người lãng quên hoặc không hiểu biết về nguồn gốc các di sản văn hóa trên chính quê hương của mình. Đó cũng chính là lý do để người viết hướng tới phát huy di sản văn hóa xứ Thanh gắn với truyền thuyết và hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, sinh viên.

Thực trạng của mối quan hệ giữa di sản văn hóa xứ Thanh với truyền thuyết và hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh, sinh viên

Các di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa phi

vật thể nói riêng có mối quan hệ mật thiết với truyền thuyết bởi “truyền thuyết có chức năng làm sử”. Thường giữa chúng có sự liên kết với nhau qua các sự kiện, danh nhân lịch sử. Trước hết, truyền thuyết là cơ sở, tiền đề cung cấp chất liệu thiêng liêng để hình thành nên các công trình văn hóa như: Lễ hội Lam Kinh, Lễ hội Đền Nưa, Lễ hội đền Bà Triệu, Lễ hội Mai An Tiêm...; các di tích lịch sử như: Di sản thế giới Thành Nhà Hồ, Đền thờ Trần Khát Chân, Quần thể di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, Đền Độc Cước, Đền Bà Triệu, Đền Sòng, Đền Đồng Cổ... Hầu hết, mỗi lễ hội hay các di tích này đều gắn với một hoặc một chuỗi truyền

* Trung tâm trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa



Buổi tham quan thực tế của cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức tại Khu Di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh

thuyết có tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Truyền thuyết đó thường được tiếp biến vào ngọc phả, thần phả của đền miếu như một sự nhớ ơn những con người phi thường vì nghĩa lớn. Đến lượt mình, các di sản văn hóa (lễ hội, lễ tục, di tích...) lại góp phần làm cho truyền thuyết có điều kiện được diễn xướng một cách sinh động, được “sống” lại một cách đúng nghĩa; thu hút được sự gắn bó và cộng cảm của tập thể, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì lẽ đó, truyền thuyết thêm thiêng liêng hơn, được ghi khắc nhiều hơn nhất là với người già và trẻ nhỏ.

Tuy nhiên, những năm gần đây, do xu hướng hiện đại hóa, nhiều trò diễn được

tổ chức trong lễ hội tại các di tích đã mất dần đi tính dân gian, truyền thống vốn có; thay vào là các trò chơi hiện đại đã phần nào làm cho truyền thuyết dần bị phai mờ, có nguy cơ mai một trên chính nền môi trường diễn xướng của nó. Điều này khiến cho bản chất của mối quan hệ giữa truyền thuyết với các di sản có phần lỏng lẻo.

Một điều chúng ta cũng dễ nhận thấy là truyền thuyết là thể loại được giảng dạy nhiều ở trường phổ thông (các mẫu chuyện, văn bản) và đại học (thể loại của văn học dân gian). Vì vậy, nhận thức về vai trò, tác động của truyền thuyết với cái lõi là sự thật lịch sử có những tác động không nhỏ đến học sinh, sinh viên (sau đây xin

gọi chung là người học). Ranh giới của lịch sử và văn học trong truyền thuyết đã tạo nên sức hấp dẫn kỳ diệu với những ai muốn tìm về cội nguồn dân tộc trên nền màu sắc thắm đậm chất linh thiêng, ký bí. Các truyền thuyết trong chương trình học phổ thông chủ yếu chỉ tiếp cận trên văn bản, liên hệ với hình ảnh các di sản văn hóa liên quan, vì vậy mối quan hệ mật thiết và môi trường diễn xướng làn sống lại truyền thuyết gần như không có. Điều này đã làm giảm tính hấp dẫn của truyền thuyết, đồng thời không phát huy hết giá trị văn hóa của thể loại này.

Không chỉ vậy, giáo dục ngày nay có sự đổi mới, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm thực tế được đưa vào giảng dạy để hình thành và rèn luyện, phát triển kỹ năng sống cho người học. Các điểm thực tế tham quan học tập được lựa chọn là những địa danh văn hóa có ý nghĩa: các di tích, danh thắng, làng nghề, khu du lịch, khu vui chơi,... ở địa phương, ở các vùng, miền, trong nước. Phần lớn, mọi người chọn tình ngoài vì tâm lý đi cho biết đó, biết đây. Nhưng thực tế cũng cho thấy, dù là điểm học tập,

thực tế là trong hay ngoài tỉnh thì tình trạng người học khá thờ ơ với những lời thuyết minh của thuyết minh viên hoặc các bảng thông tin về di tích được bố trí trong khu tham quan. Trong tư duy của người học, đi tham quan học tập chính là được đi chơi, vì vậy, họ thích được chụp ảnh, ghi hình, chạy nhảy, nô đùa, vẽ cảnh, dâng lễ, khăn vái, xin lộc... chứ chưa thực sự quan tâm đến nguồn gốc, đến những thăng trầm, đến giá trị tạo nên sức sống của những di sản mà mình đang được chiêm ngưỡng, chiêm bái (di sản vật thể), thưởng thức (di sản phi vật thể)... Ví như khi thăm quan khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Lam Kinh, nhiều người học chỉ biết nó gắn với cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược do Lê Lợi làm minh chủ cùng vài mẩu chuyện trong sách giáo khoa, chưa đủ để hiểu vì sao trong quần thể di tích lại có cầu Bạch, giếng Ngọc, núi Dầu...; từ cách bài trí các khu chính điện, thái miếu, lăng mộ... đến tên địa danh, tên đặc sản địa phương đều gắn với chuỗi truyền thuyết về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Chính những điều này làm

tăng màu sắc lịch sử, sự tôn nghiêm, thiêng liêng của quần thể di tích. Nhiều người biết đền thờ Bà Triệu ở Hậu Lộc nhưng ít ai biết đến quê hương của bà ở làng Quan Yên, phủ Cẩm Trướng (nay là xã Định Tiến, huyện Yên Định, Thanh Hóa), sự nghiệp chống ngoại xâm của bà lại gắn với ngàn Nưa ở huyện Triệu Sơn song hành với những câu chuyện ly kỳ tác động đến đời sống tinh thần người Việt ngày nay... Nhiều người biết đến di sản thế giới thành Nhà Hồ kì vĩ, độc đáo gắn với tên tuổi Hồ Quý Ly - ông vua tiếm ngôi nhà Trần. Song bên cạnh di sản Thành nhà Hồ là cả một chuỗi truyền thuyết mà không phải ai cũng biết đến: tường thành phía Đông bị lún sụt gắn với câu chuyện yêu quái phá hoại và dấu vết trên đá minh chứng cho tình cảm sắt son của vợ chồng Cống Sinh - Bình Khương; con đường tiền lộ (Hòe Nhại) chính là mũi tên bắn thẳng vào trái tim Thành nhà Hồ mà tướng Trần Khát Chân tư vấn cho Hồ Quý Ly ngầm phá thế phong thủy của tòa thành này; cái chết quả cảm trên pháp trường Đón Sơn của danh tướng Trần Khát Chân khiến càn khôn phần

nộ, giông tố quay cuồng để 99 làng dọc bờ sông Mã tôn thờ Thánh Lương... Du khách muôn nơi tới chiêm bái và xin lộc ở ngôi đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh nhưng không nhiều người biết những truyền thuyết về Mẫu Liễu với ba lần giáng trần và cuộc Sòng Sơn đại chiến giữa chúa Liễu với Tiền Quân Thánh, sau này chúa Liễu Hạnh đã quy y cửa Phật rồi hiển thánh Sòng Sơn và trở thành thân chủ của đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ Việt Nam... Bên cạnh những di sản có tầm ảnh hưởng lớn, vẫn còn nhiều di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh nằm khiêm tốn và tĩnh lặng như “an bài” giữa cuộc sống hiện đại, xô bồ. Nếu thiếu đi sự quan tâm, sự hiểu biết của thế hệ trẻ, của người học hôm nay liệu mai sau, những ấn phẩm có đủ sức sáng tỏ và lay động đến tinh thần con người về di sản cha ông để lại.

Tích hợp từ mối liên hệ với nhau giữa văn học với di sản văn hóa trong tác động của thời hiện đại. Chúng tôi đề xuất một số phương án phát huy di sản văn hóa xứ Thanh gắn với truyền thuyết và hoạt động trải nghiệm sáng tạo của các đối tượng người học:

KHOA HỌC THANH HÓA

Thứ nhất, xây dựng, tổ chức được nhiều chuyên thực tế, học tập tại các di tích, các lễ hội văn hóa, gắn với nguồn truyền thuyết được truyền dạy trong chương trình học. Cách thức này giúp cho nguồn truyền thuyết cần được diễn xướng với mật độ nhiều hơn, sinh động hơn. Nhân vật, sự kiện, diễn biến của các lễ hội cần được tái hiện rõ nét hơn tại các điểm di tích. Điều này nhấn mạnh tầm ảnh hưởng, tính chất linh thiêng, hướng về cội nguồn của các di sản. Học tập thực tế cần được xây dựng có tính chất ưu tiên các truyền thuyết phổ biến và gắn với các di sản lớn. Lựa chọn, xây dựng kế hoạch thực tế phù hợp với môn học, thời gian học tập, đối tượng tham quan,

Thứ hai, tổ chức các chương trình sân khấu hóa, trải nghiệm sáng tạo để người học nhập vai, tái hiện truyền thuyết, lễ hội. Hoạt động này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong tư duy và sự thấm nhuần vốn văn học, văn hóa trong lịch sử và thời hiện đại, trong tâm thức và trong cuộc sống, ngoài xã hội và trong nhà trường. Những chương trình trải

nh nghiệm này nên có sự tham gia đánh giá từ phía các cán bộ nghiên cứu về văn hóa công tác tại các di tích hoặc trung tâm bảo tồn di tích... Hoạt động trải nghiệm có thể diễn ra tại trường học hoặc các khu di tích.

Thứ ba, sau mỗi chương trình trải nghiệm thực tế của người học, thầy cô giáo cần kiểm tra lại thông tin mà người học lĩnh hội được bằng cách làm bài thu hoạch chia theo nội dung của từng nhóm. Yêu cầu bắt buộc phải có sự liên hệ giữa truyền thuyết (văn học) và di sản vật thể hoặc phi vật thể.

Thứ tư, tại các di tích nên có những bảng giới thiệu lược thuật truyền thuyết liên quan đến nguồn gốc, nhân vật lịch sử được thờ tự, vinh danh; hoặc nhắc đến những tiêu đề của truyền thuyết... để du khách nói chung, học sinh, sinh viên nói riêng khi về tham quan, học tập thực tế di tích sẽ có cơ hội được hiểu sâu hơn về mối quan hệ của thể loại văn học dân gian với di sản văn hóa dân tộc. Đây cũng là cách bảo tồn và quảng bá, vinh danh các di sản văn hóa.

Việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung

và di sản văn hóa xứ Thanh nói riêng là cần thiết; đồng thời gắn với văn bản truyền thuyết trong các tiết học, qua trải nghiệm tại các di sản diễn ra trong các cấp học là cách biểu hiện của việc học đi đôi với hành. Muốn phát huy được những giá trị văn hóa này cần có những giải pháp đồng bộ và phù rộng ở mọi đối tượng, trong đó đối tượng học sinh, sinh viên mang ý nghĩa then chốt, bởi họ đang trên đà tiếp thu tri thức, trải nghiệm và khám phá. Cách tiếp cận đầy đủ, có thực tế sẽ giúp cho người học có sự kết nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai; có cách nhìn nhận thấu đáo và nuôi dưỡng tình yêu, niềm đam mê văn hóa của dân tộc./.

Tài liệu tham khảo:

- (1). Ban quản lý di tích và danh thắng Thanh Hóa (2007), Di tích và danh thắng Thanh Hóa, tập VI, Nxb Thanh Hóa.
- (2). Ban quản lý di tích và danh thắng Thanh Hóa (2009), Lễ hội xứ Thanh, tập I; Nxb Thanh Hóa.
- (3). Nguyễn Bích Hà (2012), Giáo trình văn học dân gian Việt Nam, Nxb ĐHSP Hà Nội.
- (4). Đinh Gia Khánh (2010), Văn học dân gian Việt Nam, NXB Giáo dục.